



BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 6 2 0 0/BCT-TTTN

Hà Nội, ngày 06 tháng 8 năm 2026

V/v góp ý hồ sơ dự thảo Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí

Kính gửi:

- Các Bộ: Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Thanh tra Chính phủ, Bộ Xây dựng, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Hiệp hội Xăng dầu Việt Nam, Hiệp hội Gas Việt Nam.

Bộ Công Thương được giao chủ trì xây dựng Nghị định của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí. Thực hiện quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Công Thương đã xây dựng và hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị định.

Ngày 09/7/2026, Văn phòng Chính phủ có văn bản số 6631/VPCP-CN gửi Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc hoàn thiện dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí trong đó có nêu: “*Bộ Công Thương tiếp tục rà soát, chỉnh lý, hoàn thiện lại dự thảo nghị định của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực dầu khí, kinh doanh xăng dầu trên cơ sở các quy định pháp luật mới về quản lý nhà nước trong lĩnh vực dầu khí kinh doanh xăng dầu và khí*”; Bộ Công Thương đề nghị Quý cơ quan, tổ chức, căn cứ chức năng, nhiệm vụ, nghiên cứu, cho ý kiến góp ý đối với dự thảo Nghị định.

Mọi ý kiến góp ý xin gửi về Bộ Công Thương (qua Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước, địa chỉ: số 91 Đinh Tiên Hoàng, Hoàn Kiếm, Hà Nội và qua địa chỉ email: trungPTH@moit.gov.vn) trước ngày 15 tháng 8 năm 2026. Thông tin chi tiết xin liên hệ Ông Phan Thành Trung, Pháp chế viên, Phòng Chính sách - Pháp chế, Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước, ĐD: 0945.345.514.

Trân trọng./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng;
- BaoCT (đăng Cổng thông tin điện tử Bộ Công Thương);
- Lưu: VT, TTTN (PC).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Sinh Nhật Tân

Số: /TTr-BCT

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

TỜ TRÌNH

**Dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính
trong lĩnh vực dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Công Thương kính trình Chính phủ dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí (sau đây viết tắt là dự thảo Nghị định) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Kế hoạch số 04-KH/BCĐ ngày 13/11/2024 của Ban Chỉ đạo Trung ương tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả (sau đây gọi tắt là Ban Chỉ đạo Trung ương), Kết luận số 09-KL/BCĐ ngày 24/11/2024 của Ban Chỉ đạo Trung ương, Thông báo kết luận số 134/TB-BCĐTKNQ18 ngày 03/12/2024 của Ban Chỉ đạo về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW (sau đây gọi tắt là Ban Chỉ đạo của Chính phủ) và Kế hoạch số 141/KH-BCCĐTKNQ18 ngày 06/12/2024 của Ban chỉ đạo của Chính phủ định hướng sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Chính phủ, Chính phủ đã ban hành các Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các Bộ, cơ quan ngang Bộ. Theo đó, cơ cấu, tổ chức của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ có sự thay đổi lớn dẫn đến tên gọi của các chức danh thuộc các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền xử phạt thay đổi.

Điều 11 Nghị quyết số 190/2025/NQ-QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước quy định:

“1. Việc rà soát, xác định phương án xử lý các văn bản quy phạm pháp luật chịu sự tác động do sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước phải được thực hiện trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

2. Cơ quan, người có thẩm quyền phải ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn để xử lý các văn bản chịu sự tác động do sắp xếp tổ chức, bộ máy, bảo đảm hoàn thành trước ngày 01 tháng 3 năm 2027.”.

Ngày 28/02/2025, Bộ Chính trị, Ban Bí thư ban hành Kết luận số 127-KL/TW về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị xác định mục tiêu, yêu cầu: *“Nghiên cứu định hướng sáp nhập một số đơn vị cấp tỉnh, không tổ chức cấp huyện, sáp nhập một số đơn vị cấp xã; thực hiện mô hình địa phương 2 cấp (tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể) bảo đảm tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả”*, đồng thời, giao các tổ chức đảng và các cơ quan, tổ chức liên quan nhiệm vụ *“Rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định của Đảng, Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước”*. Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII quyết nghị: *“Đồng ý chủ trương tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp: cấp tỉnh (tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương), cấp xã (xã, phường, đặc khu trực thuộc, tỉnh, thành phố) kết thúc hoạt động của đơn vị hành chính cấp huyện từ ngày 01/7/2025 sau khi Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Hiến pháp năm 2013 và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi) có hiệu lực thi hành”*. Thực hiện chủ trương sửa đổi, bổ sung Hiến pháp, xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, kết thúc hoạt động của đơn vị hành chính cấp huyện dẫn đến thẩm quyền xử phạt của các chức danh thuộc đơn vị hành chính cấp huyện không còn.

Ngày 28/3/2025, Bộ Chính trị, Ban Bí thư ban hành Kết luận số 134-KL/TW về đề án sắp xếp hệ thống cơ quan thanh tra tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả. Bộ Chính trị, Ban Bí thư đồng ý chủ trương sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy hệ thống cơ quan thanh tra theo 2 cấp ở Trung ương và địa phương, trong đó *“các cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành không tổ chức thanh tra chuyên ngành mà thực hiện chức năng kiểm tra chuyên ngành và chức năng khác theo quy định của pháp luật”*. Thực hiện chủ trương của Đảng về sắp xếp hệ thống cơ quan thanh tra dẫn đến quy định về thẩm quyền xử phạt của các chức danh thuộc cơ quan thanh tra chuyên ngành không còn phù hợp.

Ngày 04/5/2025, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 68-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân, khẳng định quan điểm chỉ đạo xuyên suốt là tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, *“bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp”*, *“tạo môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch, ổn định, an toàn”*. Nghị quyết cũng đưa ra một trong những nhiệm vụ, giải pháp *“Tuân thủ nguyên tắc phân định rõ trách nhiệm hình sự với hành chính, dân sự; giữa pháp nhân và cá nhân trong xử lý vi phạm”*. Điều đó đặt ra yêu cầu phải rà soát, sửa đổi, bổ sung quy định về các hành vi vi phạm hành chính phù hợp với các quy định mới về nghĩa vụ, trách nhiệm, điều cấm của pháp luật về trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí để tạo ra cơ sở pháp lý rõ ràng cho

việc xử lý các hành vi vi phạm, góp phần tạo môi trường kinh doanh minh bạch, ổn định, an toàn cho cá nhân, tổ chức kinh doanh chân chính. Đồng thời, cần thiết rà soát quy định về các hành vi vi phạm để đảm bảo phân biệt giữa vi phạm hành chính và tội phạm hình sự; rà soát quy định xử phạt vi phạm hành chính để đảm bảo phân định rõ việc xử phạt đối với tổ chức và cá nhân vi phạm hành chính trong lĩnh vực tương ứng.

Ngày 22/12/2024, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, trong đó nêu ra nhiệm vụ “*Khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện thể chế; xoá bỏ mọi tư tưởng, quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển*”, “*Khẩn trương sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện đồng bộ các quy định pháp luật về khoa học, công nghệ, đầu tư, đầu tư công, mua sắm công, ngân sách nhà nước, tài sản công, sở hữu trí tuệ, thuế... để tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản, giải phóng các nguồn lực, khuyến khích, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia*”. Theo đó, cùng với việc tăng cường các quy định ứng dụng khoa học, công nghệ, thúc đẩy chuyển đổi số tại các văn bản quy phạm pháp luật mới về quản lý nhà nước trong lĩnh vực dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí thì việc rà soát, hoàn thiện quy định về việc ứng dụng khoa học công nghệ trong xử phạt vi phạm hành chính; bổ sung các quy định về xử phạt đối với những hành vi vi phạm tương ứng sẽ góp phần bảo đảm thúc đẩy đồng bộ quá trình thể chế hóa chủ trương của Đảng trong thực tiễn.

Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới khẳng định: *Xây dựng pháp luật phải bám sát thực tiễn, “đứng trên mảnh đất thực tiễn của Việt Nam”, tiếp thu có chọn lọc giá trị tinh hoa của nhân loại, bảo đảm tính hệ thống, nắm bắt mọi cơ hội, mở đường, khơi thông mọi nguồn lực, đưa thể chế, pháp luật trở thành lợi thế cạnh tranh, nền tảng vững chắc, động lực mạnh mẽ cho phát triển. Công tác xây dựng pháp luật phải thể chế hóa đầy đủ, đúng đắn, kịp thời chủ trương, đường lối của Đảng; xuất phát từ lợi ích toàn cục của đất nước; đưa thể chế, pháp luật trở thành lợi thế cạnh tranh; dứt khoát từ bỏ tư duy “không quản được thì cấm”; phát huy dân chủ, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ hiệu quả quyền con người, quyền công dân; bảo đảm sự cân đối, hợp lý giữa mức độ hạn chế quyền với lợi ích chính đáng đạt được. Các quy định của luật phải mang tính ổn định, đơn giản, dễ thực hiện, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm. Xây dựng và hoàn thiện pháp luật về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa theo hướng xây dựng môi trường pháp lý thuận lợi, thông thoáng, minh bạch, an toàn, chi phí tuân thủ thấp. Đề cao công tác phòng ngừa, cảnh báo vi phạm pháp luật đi đôi với việc tăng cường giám sát, kiểm tra, thanh tra, phát hiện và xử lý nghiêm minh, kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật, nhất là các hành vi tham nhũng, tiêu cực, lạm quyền, thiếu trách nhiệm; đồng thời, góp phần khắc phục bệnh đùn đẩy, né tránh trách nhiệm. Không “hình sự*

hóa” các mối quan hệ kinh tế, hành chính, dân sự; không dùng biện pháp hành chính để can thiệp, giải quyết các tranh chấp dân sự, kinh tế.

Nghị quyết số 70-NQ/TW ngày 20/8/2025 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 với quan điểm chỉ đạo “chú trọng bình ổn, điều tiết và bảo đảm dự trữ năng lượng quốc gia”, mục tiêu đến 2030 “Các cơ sở lọc dầu đáp ứng tối thiểu 70% nhu cầu xăng dầu trong nước; mức dự trữ xăng dầu đạt khoảng 90 ngày nhập ròng”. Theo đó, cần thiết rà soát quy định hành vi vi phạm, hình thức, mức xử phạt đối với các hành vi vi phạm quy định về dự trữ lưu thông xăng dầu và thực hiện tổng nguồn xăng dầu tối thiểu trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu để bảo đảm tính rắn đẽ, phòng ngừa vi phạm và qua đó, nâng cao mức độ tuân thủ của các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu trong thực tiễn.

Điều a khoản 1 Điều 4 Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định: Căn cứ quy định tại Luật này, Chính phủ quy định “*hành vi vi phạm hành chính; hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc và hành vi vi phạm hành chính đang thực hiện; hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với từng hành vi vi phạm hành chính; đối tượng bị xử phạt; thẩm quyền xử phạt, mức phạt tiền cụ thể theo từng chức danh và thẩm quyền lập biên bản đối với vi phạm hành chính; việc thi hành các hình thức xử phạt vi phạm hành chính, các biện pháp khắc phục hậu quả trong từng lĩnh vực quản lý nhà nước*”. Theo đó, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 99/2020/NĐ-CP ngày 26/8/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 17/2022/NĐ-CP. Tuy nhiên, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính được ban hành có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 với nhiều nội dung sửa đổi, bổ sung lớn, đặc biệt là sửa đổi, bổ sung nội dung quy định về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính (được quy định chi tiết tại Nghị định số 189/2025/NĐ-CP) dẫn đến các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước cần phải được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. Để triển khai thi hành Luật này, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1688/QĐ-TTg ngày 06/8/2025 về việc ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính, trong đó giao Bộ Công Thương chủ trì xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí.

Ngày 29/4/2026, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương. Theo quy định tại Mục C Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này, điều kiện kinh doanh đối với thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu, thương nhân phân phối xăng dầu, thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu, đại lý bán lẻ xăng dầu, cửa hàng bán lẻ xăng dầu quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh

xăng dầu, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 08/2018/NĐ-CP, Nghị định số 95/2021/NĐ-CP và Nghị định số 80/2023/NĐ-CP (sau đây viết tắt là Nghị định số 83/2014/NĐ-CP) được cắt giảm. Đồng thời, điều kiện kinh doanh dịch vụ cho thuê cảng, kho tiếp nhận xăng dầu quy định tại Điều 27 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP; điều kiện kinh doanh dịch vụ vận tải xăng dầu quy định tại Điều 28 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP được bãi bỏ. Tại Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP, Chính phủ giao Bộ Công Thương “trình cơ quan, người có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật theo Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này để phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, bảo đảm có hiệu lực trước ngày 01/3/2027.”.

Ngày 15/5/2026, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 66.17/2026/NQ-CP cắt giảm, sửa đổi ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, trong đó “kinh doanh khí” không còn được quy định tại Phụ lục Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Ngày 18/5/2026, Chính phủ tiếp tục ban hành Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh. Theo quy định tại tiết A Tiểu mục 3.1 Mục 3 Phụ lục I.2 Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP, các thủ tục hành chính liên quan đến ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực kinh doanh khí (quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 17/2020/NĐ-CP) đã được cắt giảm. Đồng thời, theo quy định tại tiết D Tiểu mục 2.3 Mục 2 Phụ lục I.2 Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP, không thực hiện quy định xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm về điều kiện kinh doanh khí quy định tại Mục 1 Chương IV Nghị định số 99/2020/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 17/2022/NĐ-CP.

Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP giao Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ trong phạm vi quản lý ngành, lĩnh vực có trách nhiệm “tham mưu cho Chính phủ trình cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc trình cơ quan, người có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này để phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, bảo đảm có hiệu lực trước ngày 01 tháng 3 năm 2027.”. Theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP, Bộ Công Thương có trách nhiệm chủ trì, tham mưu cho Chính phủ ban hành văn bản quy phạm pháp luật để bãi bỏ các Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 14, Điều 15, khoản 3 Điều 16, Điều 18, Điều 19, Điều 37, Điều 38, Điều 39, Điều 40, Điều 41, Điều 42, Điều 43, Điều 44, Điều 45 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP về kinh doanh khí được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 17/2020/NĐ-CP.

Bên cạnh đó, các văn bản quy phạm pháp luật trong các lĩnh vực quản lý nhà nước có liên quan được sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới cũng đặt ra yêu cầu sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế các quy định về xử phạt vi phạm hành chính để đảm bảo sự phù hợp, bao gồm: Luật Dầu khí số 12/2022/QH15, Nghị định số 45/2023/NĐ-CP, Nghị định về kinh doanh xăng dầu, Nghị định về kinh doanh khí (dự thảo 02 Nghị định này đã được Bộ Công Thương trình Chính phủ xem xét ban hành). Hiện nay, Bộ Công Thương đang chủ trì tham mưu xây dựng dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Dầu khí. Dự kiến, dự án Luật này sẽ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại phiên họp tháng 7 năm 2026 và trình Quốc hội tại Kỳ họp thứ 2 Quốc hội Khóa XVI vào tháng 10 năm 2026. Trường hợp Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Dầu khí được ban hành có nội dung mới thay đổi về chính sách dẫn đến cần thiết phải sửa đổi, bổ sung hành vi vi phạm hành chính, Bộ Công Thương sẽ tiếp tục thực hiện rà soát và đề xuất sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

2. Cơ sở thực tiễn

Tổng kết 05 năm thi hành Nghị định số 99/2020/NĐ-CP sửa đổi cũng cho thấy, vẫn tồn tại hạn chế, bất cập trong quá trình triển khai thi hành Nghị định như: bất cập trong quy định về hình thức xử phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả đối với một số hành vi vi phạm hành chính mà văn bản quy phạm pháp luật về quản lý nhà nước có quy định biện pháp thu hồi giấy phép kinh doanh; vướng mắc trong quy định về xử phạt đối với hành vi phạm về điều kiện kinh doanh xăng dầu liên quan đến điều kiện của người quản lý, nhân viên trực tiếp kinh doanh xăng dầu không được đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy và bảo vệ môi trường; sự chưa tương đồng giữa hình thức, mức xử phạt với tính chất, mức độ của hành vi vi phạm (chi tiết tại Báo cáo tổng kết việc thi hành Nghị định số 99/2020/NĐ-CP ngày 26/8/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 17/2022/NĐ-CP).

Vì những lý do nêu trên, việc xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 99/2020/NĐ-CP sửa đổi là cần thiết nhằm kịp thời khắc phục các nội dung không còn phù hợp, đảm bảo tính thống nhất của hệ thống pháp luật và đảm bảo thể chế kịp thời, đầy đủ chủ trương, đường lối của Đảng, nhằm nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống, xử lý các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích ban hành dự thảo Nghị định

Việc ban hành dự thảo Nghị định nhằm quy định cụ thể hành vi vi phạm hành chính; hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc và hành vi vi phạm hành chính đang thực hiện; hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu

quả đối với từng hành vi vi phạm hành chính; đối tượng bị xử phạt; thẩm quyền xử phạt, mức phạt tiền cụ thể theo từng chức danh và thẩm quyền lập biên bản đối với vi phạm hành chính; việc thi hành các hình thức xử phạt vi phạm hành chính, các biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí thay thế nội dung quy định tại Nghị định số 99/2020/NĐ-CP sửa đổi theo hướng thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng về định hướng sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, định hướng xây dựng chính quyền địa phương 02 cấp, định hướng sắp xếp tổ chức cơ quan thanh tra, phù hợp với cơ cấu tổ chức mới của các cơ quan đơn vị của các chức danh có thẩm quyền xử phạt; phù hợp với chủ trương của Đảng tại Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân; Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 66-NQ/TW của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; Nghị quyết số 70/NQ-TW của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 phù hợp với hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành và đảm bảo tính khả thi trong áp dụng.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị định

- Thể hiện đường lối, chính sách xử lý nghiêm minh, triệt để đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí; góp phần ổn định thị trường, phát triển kinh tế - xã hội và thực hiện mục tiêu công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; bảo đảm sự phù hợp với chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; phát triển kinh tế tư nhân, đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia.
- Bảo đảm sự phù hợp, đồng bộ, thống nhất với Luật Xử lý vi phạm hành chính, các quy định pháp luật về quản lý nhà nước trong lĩnh vực dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí và các quy định pháp luật khác có liên quan.
- Kế thừa những quy định còn phù hợp, khắc phục những nội dung chồng chéo, mâu thuẫn và những vấn đề vướng mắc về mặt pháp lý trong thực tiễn áp dụng các quy định của Nghị định số 99/2020/NĐ-CP, Nghị định số 17/2022/NĐ-CP hiện hành.
- Bảo đảm tính khả thi, thuận lợi cho các ngành, các cấp, các cơ quan và lực lượng thực thi pháp luật trong công tác đấu tranh phòng, chống vi phạm pháp luật trong lĩnh vực dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí; nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của tổ chức, cá nhân kinh doanh và người tiêu dùng.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Thực hiện quy trình, thủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật

của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Bộ Công Thương đã triển khai các công việc sau:

1. Tổ chức tổng kết, đánh giá công tác thi hành Nghị định số 99/2020/NĐ-CP sửa đổi trên phạm vi toàn quốc; tiến hành rà soát các quy định của Nghị định số 99/2020/NĐ-CP sửa đổi và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; tiến hành rà soát chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước; đánh giá, tổng hợp những vướng mắc nảy sinh trong quá trình áp dụng Nghị định và định hướng, đề xuất các giải pháp xử lý.

2. Ban hành Quyết định số 2696/QĐ-BCT ngày 01/10/2025 thành lập Tổ soạn thảo do một Thứ trưởng Bộ Công Thương làm Tổ trưởng. Thành viên Tổ soạn thảo gồm đại diện Văn phòng Chính phủ, Thanh tra Chính phủ, các Bộ: Tư pháp, Công an, Quốc phòng, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, một số đơn vị có liên quan thuộc Bộ Công Thương, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Hiệp hội xăng dầu Việt Nam.

3. Xây dựng dự thảo Nghị định, các tài liệu trong hồ sơ dự thảo Nghị định và gửi xin ý kiến các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp, gửi xin ý kiến bằng văn bản các Bộ, cơ quan ngang Bộ; UBND cấp tỉnh; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam; Hiệp hội xăng dầu Việt Nam, Hiệp hội Gas Việt Nam và thực hiện đăng tải lên Cổng Thông tin điện tử của Bộ Công Thương để lấy ý kiến rộng rãi của tổ chức, cá nhân (Công văn số 8892/BCT-TTTN ngày 11/11/2025 của Bộ Công Thương gửi xin ý kiến và đăng tải hồ sơ dự thảo Nghị định từ ngày 11/11/2025 đến hết ngày 21/11/2025).

Tính đến hết ngày 31/12/2025, Bộ Công Thương đã nhận được văn bản góp ý đối với dự thảo Nghị định của 13 Bộ, cơ quan ngang Bộ; 21 Ủy ban nhân dân/Sở Công Thương cấp tỉnh; Hiệp hội Xăng dầu Việt Nam và Ban Công tác xã hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, trong đó có 5 Bộ, cơ quan ngang Bộ và 7 Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nhất trí hoàn toàn với nội dung dự thảo Nghị định, không có ý kiến khác. Ban Công tác xã hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam không có ý kiến với nội dung dự thảo Nghị định. Bộ Công Thương đã tổ chức tổng hợp các ý kiến góp ý; nghiên cứu giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý và chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Nghị định, thực hiện đăng tải Bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Công Thương từ ngày 10/02/2026 đến hết ngày 15/3/2026.

4. Ngày 10/02/2026, Bộ Công Thương có Công văn số 920/BCT-TTTN gửi Bộ Tư pháp đề nghị thẩm định dự thảo Nghị định.

Ngày 04/3/2026, Bộ Tư pháp có Báo cáo thẩm định số 75/BCTĐ-BTP thẩm định dự thảo Nghị định gửi Bộ Công Thương và Văn phòng Chính phủ.

5. Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 75/BCTĐ-BTP, Bộ Công Thương đã nghiên cứu, đã tiến hành tiếp thu, chỉnh lý

và hoàn thiện dự thảo Nghị định trình Chính phủ xem xét ban hành.

6. Ngày 31/3/2026, Bộ Công Thương có Tờ trình số 2214/TTr-BCT trình Chính phủ về dự thảo Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí thay thế Nghị định số 99/2020/NĐ-CP ngày 26/8/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 17/2022/NĐ-CP.

7. Ngày 29/4/2026, Văn phòng Chính phủ có văn bản số 3817/VPCP-CN thông báo ý kiến của Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Phạm Gia Túc về việc giao Bộ Công Thương chủ trì, làm việc với Bộ Tư pháp và các bộ, cơ quan liên quan để rà soát, thống nhất các nội dung còn có ý kiến khác nhau; tiếp thu, giải trình đầy đủ ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp; hoàn thiện nội dung và hồ sơ dự thảo Nghị định, bảo đảm đủ điều kiện trình Chính phủ xem xét, quyết định.

Ngày 10/6/2026, Văn phòng Chính phủ có Phiếu báo số 1999/PB-VPCP về hoàn thiện dự thảo Nghị định XPVPHC trong lĩnh vực dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí.

8. Ngày 29/6/2026, Bộ Công Thương ban hành Tờ trình số 4825/TTr-BCT gửi Thủ tướng Chính phủ báo cáo và đề xuất phương án hoàn thiện dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí (dự kiến trình Chính phủ tháng 11 năm 2026).

9. Ngày 09/7/2026, Văn phòng Chính phủ có Văn bản số 6631/VPCP-CN về việc hoàn thiện dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí (trình Chính phủ tháng 9 năm 2026).

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Nghị định số 99/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 17/2022/NĐ-CP có tổng số 67 điều (bao gồm cả Điều 4a và Điều 4b được bổ sung theo quy định tại Nghị định số 17/2022/NĐ-CP). Quá trình rà soát, nghiên cứu xác định dự thảo Nghị định dự kiến sẽ bãi bỏ 13/67 Điều, sửa đổi 51/67 Điều thành 45 Điều, giữ nguyên 3 Điều, bổ sung 04 Điều so với Nghị định số 99/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 17/2022/NĐ-CP.

Dự thảo Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí có kết cấu 04 Chương, 48 Điều với bố cục và nội dung cơ bản như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về hành vi vi phạm hành chính; hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc và hành vi vi phạm hành chính đang thực hiện; hình thức

xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với từng hành vi vi phạm hành chính; thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính; thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, mức phạt tiền cụ thể theo từng chức danh; việc thi hành biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí.

1.2. Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng của Nghị định bao gồm:

- Cơ quan, người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính và xử phạt vi phạm hành chính; cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thi hành pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính lĩnh vực dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí.

- Cá nhân, tổ chức Việt Nam hoặc cá nhân, tổ chức nước ngoài thực hiện hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Bố cục của dự thảo Nghị định

Dự thảo Nghị định gồm 04 Chương, 48 Điều.

3. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định

3.1. Những nội dung sửa đổi, hoàn thiện

- Sửa đổi, bổ sung quy định về hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc, hành vi vi phạm hành chính đang thực hiện, xử phạt vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm nhiều lần, xử phạt vi phạm hành chính trên môi trường điện tử (viện dẫn áp dụng quy định của Nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính; liệt kê cụ thể các điều, khoản quy định về các hành vi vi phạm hành chính nhiều lần thuộc trường hợp bị xử phạt về từng hành vi vi phạm và các trường hợp vi phạm nhiều lần được áp dụng là tình tiết tăng nặng khi xử phạt vi phạm hành chính).

- Sửa đổi cách thức quy định các biện pháp khắc phục hậu quả theo hướng viện dẫn tới các biện pháp đã được quy định tại khoản 1 Điều 28 Luật XLVPHC, chỉ liệt kê các biện pháp do Chính phủ quy định chưa được quy định tại Điều 28 Luật XLVPHC.

- Sửa đổi bổ sung hành vi vi phạm quy định về an toàn dầu khí để phù hợp với Luật Dầu khí và Nghị định 45/2023/NĐ-CP.

- Sửa đổi, bổ sung hành vi vi phạm khác trong hoạt động điều tra cơ bản về dầu khí và hoạt động dầu khí để phù hợp với Luật Dầu khí và Nghị định 45/2023/NĐ-CP.

- Sửa đổi, bổ sung hành vi vi phạm về điều kiện kinh doanh xăng dầu trên cơ sở gộp nội dung tại Điều 20 Nghị định số 99/2020/NĐ-CP với nội dung tại các điều từ 14 đến Điều 19 Nghị định số 99/2020/NĐ-CP (quy định chung về hành vi kinh doanh xăng dầu nhưng không đáp ứng điều kiện đầu tư kinh doanh theo quy

định trong quá trình hoạt động kinh doanh và xử phạt gấp đôi trong trường hợp kinh doanh dưới hình thức thương nhân đầu mối, thương nhân phân phối).

- Sửa đổi quy định xử phạt đối với vi phạm về pha chế xăng dầu theo hướng tăng mức xử phạt.

- Sửa đổi, bổ sung hành vi vi phạm về giá bán xăng dầu và quy trình điều chỉnh giá bán xăng dầu phù hợp với trách nhiệm, nghĩa vụ của thương nhân kinh doanh xăng dầu.

- Sửa đổi quy định hành vi vi phạm về ký hợp đồng đại lý bán lẻ xăng dầu, nhận quyền bán lẻ xăng dầu để phù hợp với trách nhiệm, nghĩa vụ của thương nhân kinh doanh xăng dầu.

- Sửa đổi, bổ sung hành vi vi phạm quy định về nạp LPG vào chai LPG/chai LPG mini, nạp LPG/LNG vào xe bồn, nạp khí vào phương tiện vận tải trên cơ sở gộp nội dung tại Điều 47, Điều 49 Nghị định số 99/2020/NĐ-CP.

- Sửa đổi, bổ sung thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính và thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của các chức danh phù hợp với quy định tại Nghị định số 189/2025/NĐ-CP.

- Sửa đổi, bổ sung quy định phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo hướng phân định thẩm quyền xử phạt theo lực lượng (không phân định theo từng chức danh) phù hợp với Nghị định số 118/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung.

- Nghị định quy định mức phạt tiền tối đa trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu và khí là 100.000.000 đồng đối với cá nhân và 200.000.000 đồng đối với tổ chức căn cứ quy định điểm đ khoản 1 Điều 24 Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định mức phạt tiền tối đa đối với cá nhân trong lĩnh vực thương mại là 100.000.000 đồng.

3.2. Nội dung bổ sung

- Bổ sung thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí phù hợp với Luật Xử lý vi phạm hành chính, tránh phát sinh vướng mắc trong việc xác định thời hiệu xử phạt.

- Bổ sung biện pháp khắc phục hậu quả “buộc nộp lại số tiền bằng với giá trị tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật” đối với các hành vi vi phạm hành chính có quy định hình thức xử phạt bổ sung “tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính” theo quy định tại Khoản 5a Điều 4 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP sửa đổi.

- Bổ sung việc xử lý vi phạm hành chính trên môi trường điện tử thể chế hóa Nghị quyết 57-NQ/TW và phù hợp quy định Luật Xử lý vi phạm hành chính và văn bản hướng dẫn thi hành.

- Bổ sung hành vi vi phạm hoạt động điều tra cơ bản về dầu khí để phù hợp

với Luật Dầu khí và Nghị định số 45/2023/NĐ-CP.

- Bổ sung hành vi vi phạm về văn phòng điều hành của người điều hành nước ngoài trong hợp đồng dầu khí để phù hợp với Luật Dầu khí và Nghị định số 45/2023/NĐ-CP.

- Bổ sung hành vi vi phạm về thực hiện tổng nguồn xăng dầu theo quy định tại Nghị định mới về kinh doanh xăng dầu.

- Bổ sung quy định xử phạt đối với đối với thương nhân bán lẻ xăng dầu, thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu, thương nhân phân phối xăng dầu có hành vi “Không thực hiện kết nối mạng với cơ quan quản lý nhà nước về dữ liệu kê khai giá theo quy định” do Nghị định mới về kinh doanh xăng dầu quy định trách nhiệm, nghĩa vụ này.

- Bổ sung hành vi “Không thực hiện thông báo công khai giá bán buôn dầu mazut, giá bán lẻ xăng dầu của thương nhân ngay sau khi điều chỉnh giá theo quy định” phù hợp với Điều 33 dự thảo Nghị định mới về kinh doanh xăng dầu.

- Bổ sung hành vi “Phạt tiền bằng mức tiền phạt tối đa của khung tiền phạt đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 4 và 5 Điều 11 trong trường hợp số tiền thu lợi bất hợp pháp từ 100.000.000 đồng trở lên mà không bị truy cứu trách nhiệm hình sự”.

- Bổ sung quy định thẩm quyền của Thủ trưởng cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước theo chuyên ngành, lĩnh vực và một số chức danh khác để thống nhất, phù hợp với Luật Xử lý vi phạm hành chính sửa đổi và văn bản hướng dẫn thi hành.

3.3. Nội dung lược bỏ

- Bãi bỏ quy định giải thích từ ngữ “Giấy phép kinh doanh xăng dầu” và “Giấy phép kinh doanh khí” tại Điều 3 Nghị định số 99/2020/NĐ-CP.

- Bãi bỏ hành vi tại khoản 1 Điều 15, khoản 1 Điều 16, khoản 1 Điều 17, khoản 1 Điều 19 Nghị định số 99/2020/NĐ-CP về hành vi sử dụng người quản lý hoặc nhân viên trực tiếp kinh doanh không được đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy và bảo vệ môi trường theo quy định do Nghị định mới về kinh doanh xăng dầu không còn quy định điều kiện này.

- Bãi bỏ hành vi vi phạm về biển hiệu.

- Bãi bỏ hành vi vi phạm quy định về đăng ký hệ thống phân phối xăng dầu, mua bán xăng dầu theo hệ thống phân phối do Nghị định mới về kinh doanh xăng dầu không quy định trách nhiệm, nghĩa vụ này.

- Bãi bỏ hành vi vi phạm về kinh doanh dịch vụ xăng dầu do Nghị định mới về kinh doanh xăng dầu không quy định loại hình này

- Bãi bỏ hành vi vi phạm về xây dựng hệ thống quản lý chất lượng, hệ thống

quản lý năng lực phòng thử nghiệm.

- Bãi bỏ các nhóm hành vi vi phạm quy định về điều kiện kinh doanh khí từ Điều 36 đến Điều 43 Nghị định số 99/2020/NĐ-CP.

- Bãi bỏ hành vi quy định về kinh doanh dịch vụ cho thuê cảng xuất, nhập khí, bồn chứa khí, kho chứa LPG chai, vận chuyển khí.

- Bãi bỏ quy định về hành vi vi phạm của

- Bãi bỏ biện pháp khắc phục hậu quả “Buộc trả lại chai LPG cho chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp”, thực hiện theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

(Nội dung thuyết minh chi tiết lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ thể hiện tại Bản so sánh thuyết minh nội dung dự thảo Nghị định với nội dung Nghị định hiện hành)

3.4. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính

Dự thảo Nghị định không phát sinh thủ tục hành chính.

3.5. Nội dung phân cấp, phân quyền

Dự thảo Nghị định đã quy định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính phù hợp quy định tại Nghị định số 189/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Xử lý vi phạm hành chính về thẩm quyền xử phạt. Theo đó, nội dung dự thảo Nghị định đảm bảo phù hợp với việc phân cấp quy định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Chính phủ hiện nay.

3.6. Nội dung về việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Để bảo đảm phù hợp với các quy định về việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong xử phạt vi phạm hành chính và trong các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý nhà nước có liên quan, dự thảo Nghị định đã có những nội dung tương ứng, cụ thể:

- Quy định việc xử lý vi phạm hành chính trên môi trường điện tử được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 68/2025/NĐ-CP và Nghị định số 190/2025/NĐ-CP.

- Quy định xử phạt đối với thương nhân bán lẻ xăng dầu, thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu, thương nhân phân phối xăng dầu có hành vi “Không thực hiện kết nối mạng với cơ quan quản lý nhà nước về dữ liệu kê khai giá theo quy định”.

- Quy định xử phạt đối với các hành vi “Không có sổ theo dõi hoặc cơ sở dữ liệu điện tử ứng dụng công nghệ thông tin theo dõi LPG chai bán cho thương

nhân khác hoặc bán cho khách hàng sử dụng”; “Không có sổ theo dõi hoặc cơ sở dữ liệu điện tử ứng dụng công nghệ thông tin theo dõi LPG chai bán tại cửa hàng bán lẻ LPG chai”; “Không có sổ theo dõi hoặc cơ sở dữ liệu điện tử ứng dụng công nghệ thông tin theo dõi việc quản lý nạp LPG vào chai LPG tại trạm nạp LPG hoặc có nhưng không đủ các thông tin về LPG chai theo quy định.”.

3.7. Tính tương thích với điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh

Dự thảo Nghị định đảm bảo tính tương thích với các Điều ước quốc tế và không có nội dung không đảm bảo yêu cầu về quốc phòng, an ninh.

3.8. Vấn đề còn ý kiến khác nhau cần xin ý kiến cấp có thẩm quyền và kiến nghị phương án giải quyết: Không.

V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH GỬI THẨM ĐỊNH

Trên cơ sở tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, cơ quan chủ trì soạn thảo đã bổ sung thêm vào dự thảo Nghị định các nội dung sau:

1. Bổ sung khoản 6 Điều 10 dự thảo Nghị định “6. Phạt tiền bằng mức tiền phạt tối đa của khung tiền phạt đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 5 Điều này mà số tiền thu lợi bất hợp pháp từ 100.000.000 đồng trở lên trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự trả lại để xử phạt vi phạm hành chính quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật Xử lý vi phạm hành chính hoặc trường hợp xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 63 Luật Xử lý vi phạm hành chính.”.

2. Bổ sung điểm c khoản 4 Điều 20 dự thảo Nghị định như sau: “d) Không thực hiện thông báo công khai giá bán buôn dầu mazut, giá bán lẻ xăng dầu của thương nhân ngay sau khi điều chỉnh giá theo quy định.”.

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ ĐỊNH VÀ THỜI GIAN TRÌNH BAN HÀNH

1. Về dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Nghị định

Dự kiến khi Nghị định được ban hành, về cơ bản, các cơ quan, tổ chức, cá nhân vẫn tiếp tục sử dụng nguồn lực tài chính và nguồn nhân lực hiện có. Do đó, Nghị định được ban hành không phát sinh thêm kinh phí, biên chế mới.

Kinh phí bảo đảm thực hiện Nghị định của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí do ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định của pháp luật. Việc sử dụng kinh phí bảo đảm cho công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính phải đúng mục đích, nội dung, chế độ và định mức chi theo quy định của pháp luật về các chế độ chi tiêu tài chính.

2. Về thời gian trình ban hành

Dự thảo Nghị định trình Chính phủ trong tháng 9 năm 2026.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí, Bộ Công Thương xin kính trình Chính phủ xem xét, quyết định.

(Xin gửi kèm theo: Dự thảo Nghị định; bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo Nghị định; Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu giải trình ý kiến góp ý, phản biện xã hội; Báo cáo thẩm định; Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định; Báo cáo Tổng kết việc thi hành Nghị định số 99/2020/NĐ-CP ngày 26/8/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 17/2022/NĐ-CP)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Q. Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các đồng chí Thứ trưởng;
- Các đơn vị thuộc Bộ: PC, KHTC, DKT, ĐCK, ATMT, HC, TTTN;
- Lưu: VT, TTTN (PC).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Sinh Nhật Tân

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực dầu khí,
kinh doanh xăng dầu và khí**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 54/2014/QH13, Luật số 18/2017/QH14, Luật số 67/2020/QH14, Luật số 09/2022/QH15, Luật số 11/2022/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 88/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư số 143/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 05/2017/QH14, Luật số 44/2019/QH14 và Luật 75/2025/QH15;

Căn cứ Luật Dầu khí số 12/2022/QH15;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 78/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đo lường số 04/2011/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 84/2025/QH15;

Căn cứ Luật An toàn, vệ sinh lao động số 84/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 41/2024/QH15;

Căn cứ Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ số 55/2024/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 11/2022/QH15, Luật số 16/2023/QH15, Luật số 18/2023/QH15, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 54/2024/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí.

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định về hành vi vi phạm hành chính; hành vi vi

phạm hành chính đã kết thúc và hành vi vi phạm hành chính đang thực hiện; hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với từng hành vi vi phạm hành chính; thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính; thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, mức phạt tiền cụ thể theo từng chức danh; việc thi hành biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí.

2. Các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí quy định tại Nghị định này bao gồm:

- a) Hành vi vi phạm trong lĩnh vực dầu khí (bao gồm hoạt động điều tra cơ bản về dầu khí và hoạt động dầu khí);
- b) Hành vi vi phạm quy định về kinh doanh xăng dầu;
- c) Hành vi vi phạm quy định về kinh doanh khí.

3. Các hành vi vi phạm hành chính khác trong lĩnh vực dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí về bảo vệ môi trường; tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng sản phẩm, hàng hoá; phòng cháy và chữa cháy tại các công trình dầu khí, cơ sở kinh doanh xăng dầu và khí; kê khai giá bán xăng dầu và khí; niêm yết giá xăng dầu và khí; quản lý, sử dụng Quỹ bình ổn giá xăng dầu thì áp dụng quy định xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài (sau đây gọi chung là tổ chức, cá nhân) thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

2. Tổ chức quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm:

a) Tổ chức kinh tế được thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp gồm: Doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh và các đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp (chi nhánh, văn phòng đại diện);

b) Tổ chức kinh tế được thành lập theo quy định của Luật Hợp tác xã gồm: Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

c) Văn phòng đại diện, chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam; văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam; tổ chức nước ngoài được cấp có thẩm quyền của Việt Nam cho phép hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam; người điều hành và văn phòng điều hành của người điều hành trong hợp đồng dầu khí theo quy định của pháp luật về dầu khí;

d) Các tổ chức khác theo quy định của pháp luật.

3. Hộ kinh doanh, hộ gia đình thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này bị xử phạt vi phạm như đối với cá nhân.

Điều 3. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính

1. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí là 02 năm.

2. Thời điểm để tính thời hiệu phạt vi phạm hành chính; trường hợp thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính được kéo dài hoặc tính lại thực hiện theo quy định tại các điểm b, c và d khoản 1 Điều 6 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

3. Nguyên tắc xác định hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc, hành vi vi phạm hành chính đang thực hiện để tính thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 6 của Nghị định này.

Điều 4. Các hình thức xử phạt vi phạm hành chính và biện pháp khắc phục hậu quả

1. Đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí, tổ chức, cá nhân vi phạm phải chịu hình thức xử phạt chính là phạt tiền. Mức phạt tiền tối đa trong lĩnh vực dầu khí là 1.000.000.000 đồng đối với cá nhân và 2.000.000.000 đồng đối với tổ chức; mức phạt tiền tối đa trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu và khí là 100.000.000 đồng đối với cá nhân và 200.000.000 đồng đối với tổ chức.

Mức phạt tiền quy định tại các Chương II, III và IV của Nghị định này là mức phạt tiền áp dụng đối với hành vi vi phạm hành chính do tổ chức thực hiện, trừ các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 22, khoản 2 Điều 26 và Điều 35 của Nghị định này. Trường hợp hành vi vi phạm hành chính do cá nhân thực hiện thì phạt tiền bằng một nửa mức phạt tiền quy định đối với tổ chức.

2. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;

b) Tước quyền sử dụng Giấy xác nhận đủ điều kiện làm thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu, Giấy xác nhận đủ điều kiện làm thương nhân phân phối xăng dầu, Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu, Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu, Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu, Giấy tiếp nhận thông báo điểm bán xăng dầu với thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ (sau đây gọi chung là Giấy phép kinh doanh xăng dầu) có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

c) Trục xuất.

3. Ngoài các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a và i Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính, Nghị định này quy định thêm các biện pháp khắc phục hậu quả khác áp dụng đối với hành vi vi phạm quy định tại các Chương III và IV của Nghị định này, bao gồm:

a) Buộc thu hồi chai LPG, LPG chai hoặc LPG chai mini không đáp ứng đủ điều kiện lưu thông trên thị trường;

b) Buộc thực hiện việc kiểm tra, bảo dưỡng và thay thế các chai LPG, thiết bị phụ trợ dùng khí không bảo đảm an toàn cho khách hàng sử dụng;

c) Buộc nộp lại Giấy phép kinh doanh xăng dầu bị tẩy xóa, sửa chữa làm

thay đổi nội dung cho cơ quan, người có thẩm quyền đã cấp giấy phép.

4. Nguyên tắc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 28 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 5. Hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc, hành vi vi phạm hành chính đang thực hiện, xử phạt vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm nhiều lần, xử phạt vi phạm hành chính trên môi trường điện tử

1. Hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc, hành vi vi phạm hành chính đang thực hiện được xác định căn cứ quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.

2. Xử phạt đối với trường hợp vi phạm hành chính nhiều lần:

a) Cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính nhiều lần thì vi phạm nhiều lần được áp dụng là tình tiết tăng nặng để người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính xem xét ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này;

b) Đối với hành vi vi phạm hành chính được quy định xử phạt theo giá trị của tang vật vi phạm tại Điều 22, các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều 23 của Nghị định này thì cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính nhiều lần bị xử phạt về từng hành vi vi phạm và người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính không áp dụng tình tiết tăng nặng vi phạm nhiều lần khi ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với từng hành vi vi phạm.

3. Việc xử lý vi phạm hành chính trên môi trường điện tử được thực hiện theo quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 6. Thi hành các hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả và xác định số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính.

1. Việc thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính thực hiện theo quy định tại Mục 2 Chương III Phần thứ hai của Luật Xử lý vi phạm hành chính và Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.

2. Biên bản, tài liệu, văn bản hoặc giấy tờ liên quan khác ghi nhận việc thi hành các hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả phải có trong hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 57 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

3. Số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định này là vật, tiền, giấy tờ có giá hoặc tài sản khác có được từ vi phạm hành chính mà cá nhân, tổ chức đó đã thực hiện và được xác định như sau:

a) Số lợi bất hợp pháp thu được bằng tiền là toàn bộ số tiền tổ chức, cá nhân thu được từ hành vi vi phạm hành chính và được tính bằng số tiền thu được

từ việc chuyển nhượng, tiêu thụ hàng hóa, cung cấp dịch vụ vi phạm sau khi đã trừ chi phí trực tiếp cấu thành hàng hóa, dịch vụ căn cứ vào hồ sơ, chứng từ chứng minh tính hợp pháp, hợp lệ của các chi phí đó do cá nhân, tổ chức vi phạm cung cấp; trường hợp chuyển nhượng, tiêu thụ hàng cấm, hàng giả, hàng hóa nhập lậu hoặc cung cấp dịch vụ kinh doanh có điều kiện thì số lợi bất hợp pháp thu được bằng tiền là toàn bộ số tiền cá nhân, tổ chức thu được từ việc chuyển nhượng, tiêu thụ hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ đó;

b) Số lợi bất hợp pháp thu được bằng giấy tờ có giá là toàn bộ giấy tờ có giá mà tổ chức, cá nhân vi phạm thu được từ hành vi vi phạm hành chính. Trường hợp giấy tờ có giá đã được chuyển nhượng thì số lợi bất hợp pháp được xác định bằng số tiền thực tế thu được tại thời điểm chuyển nhượng; trường hợp giấy tờ có giá đã bị tẩu tán, tiêu hủy thì số lợi bất hợp pháp được xác định theo giá trị sổ sách của tổ chức phát hành giấy tờ có giá tại thời điểm tẩu tán, tiêu hủy;

c) Số lợi bất hợp pháp là vật, tài sản khác mà tổ chức, cá nhân vi phạm thu được từ hành vi vi phạm hành chính là các tài sản khác theo quy định của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp vật, tài sản khác không phải hàng cấm, hàng giả, hàng hóa nhập lậu đã được chuyển nhượng, tiêu thụ hoặc tiêu hủy thì số lợi bất hợp pháp được xác định bằng số tiền tương đương giá trị thị trường của tài sản cùng loại hoặc xác định theo giá trị sổ sách của tài sản (nếu không có giá trị thị trường) hoặc xác định bằng giá trị tiền của tài sản ghi trên tờ khai xuất khẩu, tờ khai nhập khẩu (nếu là hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu) của tổ chức, cá nhân vi phạm sau khi trừ chi phí trực tiếp cấu thành hàng hóa căn cứ vào hồ sơ, chứng từ chứng minh tính hợp pháp, hợp lệ của các chi phí đó.

Trường hợp vật, tài sản khác là hàng cấm, hàng giả, hàng hóa nhập lậu đã được chuyển nhượng, tiêu thụ thì số lợi bất hợp pháp được xác định là tổng số tiền mà tổ chức, cá nhân nhận được khi thực hiện chuyển nhượng.

Chương II

HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH, HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ TRONG ĐIỀU TRA CƠ BẢN VỀ DẦU KHÍ VÀ HOẠT ĐỘNG DẦU KHÍ

Điều 7. Hành vi vi phạm hoạt động điều tra cơ bản về dầu khí

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện hoặc thực hiện thông báo bằng văn bản tới cơ quan có thẩm quyền không đúng thời hạn quy định trước khi thực hiện hạng mục công việc tại thực địa.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không tiến hành nghiệm thu cấp cơ sở hoặc nghiệm thu cấp cơ sở

không đúng thời hạn quy định đối với đề án điều tra cơ bản;

b) Không nộp hồ sơ kết quả điều tra cơ bản về dầu khí sau khi nhận được văn bản phê duyệt kết quả điều tra cơ bản về dầu khí đến cơ quan có thẩm quyền đúng thời hạn quy định.

Điều 8. Hành vi vi phạm về văn phòng điều hành của người điều hành nước ngoài trong hợp đồng dầu khí

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện đúng thời hạn quy định việc điều chỉnh thông tin trên giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng điều hành theo quy định khi thay đổi địa chỉ văn phòng điều hành, thay đổi trưởng văn phòng điều hành, tiếp nhận lại văn phòng điều hành do thay đổi người điều hành hoặc thay đổi các thông tin khác trên giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng điều hành đã được cấp.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi không thành lập văn phòng điều hành tại Việt Nam đúng thời hạn quy định để thực hiện hợp đồng dầu khí.

Điều 9. Hành vi vi phạm quy định về tìm kiếm thăm dò dầu khí

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện thủ tục đề nghị chấp thuận gia hạn thời hạn của giai đoạn tìm kiếm thăm dò dầu khí đúng thời hạn quy định.

2. Phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng đối với hành vi khoan ra ngoài diện tích ghi trong hợp đồng dầu khí khi cơ quan có thẩm quyền chưa cho phép mà chưa phát sinh các nguồn lợi hoặc số tiền thu lợi bất hợp pháp dưới 100.000.000 đồng.

3. Phạt tiền từ 400.000.000 đồng đến 600.000.000 đồng đối với hành vi tiến hành hoạt động tìm kiếm thăm dò dầu khí khi hợp đồng dầu khí hoặc chương trình công tác và ngân sách hàng năm chưa được các cấp có thẩm quyền phê duyệt mà chưa phát sinh các nguồn lợi hoặc số tiền thu lợi bất hợp pháp dưới 100.000.000 đồng.

4. Phạt tiền từ 600.000.000 đồng đến 800.000.000 đồng đối với hành vi tiến hành hoạt động tìm kiếm thăm dò dầu khí tại khu vực nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tuyên bố cấm hoặc tạm thời cấm mà chưa phát sinh các nguồn lợi hoặc số tiền thu lợi bất hợp pháp dưới 100.000.000 đồng.

5. Phạt tiền từ 1.800.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng đối với hành vi xâm phạm vùng thuộc đất liền, hải đảo, nội thủy, lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nhằm nghiên cứu, tìm kiếm thăm dò dầu khí mà chưa phát sinh các nguồn lợi hoặc số tiền thu lợi bất hợp pháp dưới 100.000.000 đồng.

6. Phạt tiền bằng mức tiền phạt tối đa của khung tiền phạt đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2, 3, 4 và 5 Điều này mà số tiền thu lợi bất hợp pháp từ 100.000.000 đồng trở lên trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự trả lại để xử phạt vi phạm hành chính quy định tại khoản 3 Điều

62 Luật Xử lý vi phạm hành chính hoặc trường hợp xử phạt hành chính theo quy định tại Điều 63 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

7. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 và 6 Điều này;

b) Trục xuất đối với người nước ngoài có hành vi vi phạm quy định tại khoản 4, 5 và 6 Điều này.

8. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5 và 6 Điều này;

c) Buộc nộp lại số tiền bằng với giá trị tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5 và 6 Điều này.

Điều 10. Hành vi vi phạm quy định về phát triển mỏ và khai thác dầu khí

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định về ghi nhận, ghi chép các thông số về môi trường, thủy văn, độ ổn định (đối với giàn bán chìm hoặc giàn khai thác nổi) trong quá trình khai thác dầu khí.

2. Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không báo cáo để điều chỉnh mức sản lượng khai thác dầu khí nhằm đảm bảo an toàn khai thác mỏ khi xuất hiện việc suy giảm áp suất vỉa bất thường có nguy cơ ảnh hưởng đến hệ số thu hồi dầu khí cuối cùng của mỏ;

b) Không thực hiện đúng quy trình về đốt, xả khí và đốt, hủy dầu.

3. Phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không thực hiện yêu cầu của Chính phủ Việt Nam về việc bán tại thị trường Việt Nam đối với phần dầu thô và khí thiên nhiên thuộc sở hữu của nhà thầu theo quy định của Luật Dầu khí và hợp đồng dầu khí;

b) Không thực hiện đầy đủ nội dung kế hoạch phát triển mỏ, kế hoạch khai thác sớm dầu khí đã được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt.

4. Phạt tiền từ 400.000.000 đồng đến 600.000.000 đồng đối với hành vi tiến hành hoạt động phát triển mỏ và khai thác dầu khí khi kế hoạch phát triển mỏ hoặc chương trình công tác và ngân sách hàng năm tương ứng chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

5. Phạt tiền từ 1.600.000.000 đồng đến 1.800.000.000 đồng đối với hành vi tiến hành hoạt động khai thác dầu khí tại khu vực mà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam tuyên bố cấm hoặc tạm thời cấm trong trường hợp số tiền thu lợi bất hợp pháp dưới 100.000.000 đồng.

6. Phạt tiền bằng mức tiền phạt tối đa của khung tiền phạt đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều này mà số tiền thu lợi bất hợp pháp từ 100.000.000 đồng trở lên trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự trả lại để xử phạt vi phạm hành chính quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật Xử lý vi phạm hành chính hoặc trường hợp xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 63 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

7. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều này;

b) Trục xuất đối với người nước ngoài có hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều này.

8. Biện pháp khắc phục hậu quả: a) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều này;

b) Buộc nộp lại số tiền bằng với giá trị tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều này.

Điều 11. Hành vi vi phạm quy định về hủy bỏ giếng khoan, thu dọn công trình dầu khí

1. Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng đối với hành vi không trình cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đúng thời hạn kế hoạch thu dọn công trình dầu khí theo quy định.

2. Phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không tiến hành tháo dỡ các công trình dầu khí theo kế hoạch thu dọn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Không thực hiện đúng quy định về bảo quản và hủy giếng khoan dầu khí.

Điều 12. Hành vi vi phạm quy định về an toàn dầu khí

1. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi không xây dựng hoặc xây dựng không đầy đủ các tài liệu quản lý an toàn, bao gồm chương trình quản lý an toàn, báo cáo đánh giá rủi ro, kế hoạch ứng cứu khẩn cấp theo quy định.

2. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không thiết lập, duy trì và phát triển hệ thống quản lý an toàn bảo đảm

kiểm soát các rủi ro trong toàn bộ hoạt động dầu khí từ khi bắt đầu giai đoạn tìm kiếm thăm dò dầu khí đến khi kết thúc giai đoạn thu dọn công trình dầu khí theo quy định;

b) Không thiết lập và duy trì hệ thống ứng cứu khẩn cấp để tiến hành có hiệu quả các hoạt động ứng cứu khi xảy ra các sự cố, tai nạn gây nguy hại cho người, môi trường hoặc tài sản theo quy định;

c) Không thực hiện trang bị hệ thống cảnh báo có khả năng phát hiện tình huống xấu có thể xảy ra gây nguy hiểm cho công trình, môi trường và tự động thông báo, thông tin cho trung tâm điều hành đối với các công trình dầu khí trên biển không có người làm việc thường xuyên theo quy định;

d) Không có tàu trực để bảo đảm ứng cứu kịp thời trong trường hợp khẩn cấp đối với các công trình dầu khí trên biển có người làm việc thường xuyên theo quy định.

3. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi đưa công trình dầu khí vào vận hành khi chưa có kết quả kiểm tra, kiểm định, thử nghiệm công trình và các nội dung an toàn đáp ứng được các yêu cầu đề ra theo quy định.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động của công trình dầu khí từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 13. Hành vi vi phạm quy định về an toàn đối với công trình dầu khí trên đất liền

1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện hoạt động có nguy cơ gây hại trực tiếp hoặc gián tiếp đến sự an toàn của công trình dầu khí sau đây:

a) Các hoạt động có khả năng gây cháy nổ, sụt lún trong phạm vi khu vực ảnh hưởng tính từ ranh giới hành lang an toàn đến ranh giới khu vực ảnh hưởng;

b) Trồng cây lâu năm trong hành lang an toàn công trình dầu khí trên đất liền;

c) Thải các chất ăn mòn;

d) Neo đỗ của các phương tiện, thiết bị có thể gây ảnh hưởng đến an toàn của công trình dầu khí.

2. Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không xây dựng, duy trì quy trình vận hành, bảo dưỡng, quy định an toàn và quy trình xử lý sự cố;

b) Không lập kế hoạch bảo dưỡng, tổ chức kiểm tra, sửa chữa hư hỏng;

c) Đưa công trình dầu khí, hệ thống tuyến ống vào vận hành khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép;

d) Không duy trì các biển báo, biển cấm theo quy định để đảm bảo an toàn cho công trình, hành lang tuyến ống.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a, b và c khoản 1 Điều này.

Điều 14. Hành vi vi phạm quy định về báo cáo và cung cấp thông tin

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định báo cáo định kỳ, báo cáo sự cố hoặc không thực hiện cung cấp thông tin quan trọng, cần thiết theo quy định.

2. Hành vi không cung cấp các tài liệu hoặc cung cấp không đầy đủ tài liệu gây cản trở cho hoạt động kiểm tra, thanh tra về dầu khí của người thi hành công vụ và của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền bị xử phạt theo quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Điều 15. Hành vi vi phạm khác trong hoạt động điều tra cơ bản về dầu khí và hoạt động dầu khí

1. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không giao nộp tài liệu thông tin, mẫu vật thu được trong quá trình thực hiện điều tra cơ bản và hoạt động dầu khí đúng thời hạn quy định;

b) Vi phạm quy định về quản lý, bảo quản, lưu giữ, sử dụng mẫu vật, thông tin, dữ liệu, kết quả điều tra cơ bản về dầu khí và hoạt động dầu khí.

2. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi cung cấp mẫu vật, thông tin, dữ liệu thu được từ điều tra cơ bản về dầu khí và hoạt động dầu khí khi chưa được sự chấp thuận của cấp có thẩm quyền mà chưa phát sinh các nguồn lợi hoặc số tiền thu lợi bất hợp pháp dưới 100.000.000 đồng.

3. Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện điều tra cơ bản về dầu khí hoặc hoạt động dầu khí khi chưa được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép mà chưa phát sinh các nguồn lợi hoặc số tiền thu lợi bất hợp pháp dưới 100.000.000 đồng.

4. Phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng đối với hành vi lợi dụng điều tra cơ bản về dầu khí hoặc hoạt động dầu khí để khai thác các loại tài nguyên, khoáng sản mà chưa phát sinh các nguồn lợi hoặc số tiền thu lợi bất hợp pháp dưới 100.000.000 đồng.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều này;

b) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại các khoản 3 và 4 Điều này.

6. Các hành vi vi phạm quy định về ứng phó sự cố tràn dầu bị xử phạt theo quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

Chương III

HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH, HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ TRONG KINH DOANH XĂNG DẦU

Điều 16. Hành vi vi phạm về điều kiện kinh doanh xăng dầu

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Viết thêm, tẩy xóa hoặc sửa chữa làm thay đổi nội dung ghi trong Giấy phép kinh doanh xăng dầu.

b) Cho thuê, cho mượn, cầm cố, thế chấp, bán hoặc chuyển nhượng Giấy phép kinh doanh xăng dầu;

c) Thuê, mượn, nhận cầm cố, nhận thế chấp, mua hoặc nhận chuyển nhượng Giấy phép kinh doanh xăng dầu.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Kinh doanh không đúng nội dung ghi trong Giấy phép kinh doanh xăng dầu được cấp;

b) Kinh doanh xăng dầu khi Giấy phép kinh doanh xăng dầu được cấp đã hết hiệu lực.

3. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Kinh doanh xăng dầu mà không có Giấy phép kinh doanh xăng dầu theo quy định;

b) Kinh doanh xăng dầu nhưng không đáp ứng điều kiện đầu tư kinh doanh theo quy định trong quá trình hoạt động kinh doanh;

c) Sử dụng Giấy phép kinh doanh xăng dầu của thương nhân khác để kinh doanh xăng dầu.

4. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi tiếp tục hoạt động kinh doanh trong thời gian bị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đình chỉ hoạt động, tước quyền sử dụng hoặc thu hồi Giấy phép kinh doanh xăng dầu.

5. Phạt tiền gấp hai lần mức tiền phạt đối với hành vi vi phạm quy định từ khoản 1 đến khoản 4 Điều này trong trường hợp đối tượng vi phạm kinh doanh

theo hình thức thương nhân đầu mỗi kinh doanh xăng dầu, kinh doanh phân phối xăng dầu thực hiện hành vi vi phạm hành chính.

6. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng giấy phép kinh doanh xăng dầu từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 3 Điều này.

7. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp lại Giấy phép kinh doanh xăng dầu bị tẩy xóa, sửa chữa làm thay đổi nội dung cho cơ quan, người có thẩm quyền đã cấp Giấy phép đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1, điểm b khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này.

Điều 17. Hành vi vi phạm quy định về pha chế xăng dầu

1. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Thực hiện pha chế xăng dầu nhưng không đăng ký cơ sở pha chế theo quy định, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Thực hiện pha chế xăng dầu tại địa điểm không phải nơi sản xuất, xưởng pha chế hoặc kho xăng dầu phục vụ cho nhu cầu nội địa của thương nhân đầu mỗi kinh doanh xăng dầu.

2. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng đối với hành vi pha chế xăng dầu khi không phải là thương nhân đầu mỗi kinh doanh xăng dầu.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật vi phạm đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 18. Hành vi vi phạm về việc thực hiện lộ trình áp dụng tỷ lệ phối trộn nhiên liệu sinh học với nhiên liệu truyền thống theo quy định của cơ quan có thẩm quyền

1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện lộ trình áp dụng tỷ lệ phối trộn nhiên liệu sinh học với nhiên liệu truyền thống theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

2. Phạt tiền gấp hai lần mức phạt tiền đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này trong trường hợp thương nhân đầu mỗi kinh doanh xăng dầu thực hiện hành vi vi phạm hành chính.

Điều 19. Hành vi vi phạm quy định về dự trữ lưu thông xăng dầu và thực hiện tổng nguồn xăng dầu tối thiểu

1. Phạt tiền từ 120.000.000 đồng đến 140.000.000 đồng đối với thương nhân đầu mỗi kinh doanh xăng dầu không duy trì mức dự trữ lưu thông xăng dầu hoặc duy trì mức dự trữ lưu thông xăng dầu thấp hơn mức tối thiểu theo quy

định, trừ trường hợp được sử dụng xăng dầu dự trữ lưu thông để bảo đảm nguồn cung trong hệ thống phân phối của thương nhân tại địa bàn và trong thời gian cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban bố tình trạng khẩn cấp, sự cố, thảm họa, thiên tai, dịch bệnh.

2. Phạt tiền từ 140.000.000 đồng đến 160.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không thực hiện đủ tổng nguồn xăng dầu tối thiểu được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao hằng năm;

b) Nhập khẩu xăng dầu hoặc mua xăng dầu trong nước không đúng tiến độ trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định cụ thể tiến độ nhập khẩu, mua xăng dầu trong nước.

Điều 20. Hành vi vi phạm quy định về giá bán xăng dầu và quy trình điều chỉnh giá bán xăng dầu

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với thương nhân bán lẻ xăng dầu thuộc hệ thống phân phối của thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu hoặc thương nhân phân phối xăng dầu có hành vi quyết định giá bán lẻ xăng dầu cao hơn giá bán lẻ xăng dầu được công bố bởi thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu hoặc thương nhân phân phối xăng dầu cung cấp xăng dầu cho thương nhân bán lẻ xăng dầu.

2. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với thương nhân bán lẻ xăng dầu không thuộc hệ thống phân phối của thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu hoặc thương nhân phân phối xăng dầu có một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không thực hiện kết nối mạng với cơ quan quản lý nhà nước về dữ liệu kê khai giá theo quy định;

b) Không thực hiện thông báo công khai giá bán lẻ xăng dầu tại cửa hàng bán lẻ xăng dầu, điểm bán xăng dầu với thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ thuộc hệ thống ngay sau khi điều chỉnh giá theo quy định;

c) Quyết định giá bán lẻ xăng dầu tại địa bàn xa cảng, xa kho đầu mối, xa cơ sở sản xuất cao hơn giá bán lẻ xăng dầu do các thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu công bố trên cùng địa bàn và tại cùng thời điểm.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với thương nhân phân phối xăng dầu có hành vi công bố giá bán lẻ xăng dầu tại địa bàn xa cảng, xa kho đầu mối, xa cơ sở sản xuất cao hơn giá bán lẻ xăng dầu do các thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu công bố trên cùng địa bàn và tại cùng thời điểm.

4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu hoặc thương nhân phân phối xăng dầu có một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không thực hiện kết nối mạng với cơ quan quản lý nhà nước về dữ liệu

kê khai giá theo quy định;

b) Không thực hiện công bố giá bán buôn dầu mazut, giá bán lẻ xăng dầu trong hệ thống phân phối của thương nhân khi điều chỉnh giá theo quy định;

c) Không thực hiện thông báo công khai giá bán buôn dầu mazut, giá bán lẻ xăng dầu của thương nhân ngay sau khi điều chỉnh giá theo quy định.

5. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với thương nhân đầu mối có hành vi quyết định giá bán thực tế tại địa bàn xa cảng, xa kho đầu mối, xa cơ sở sản xuất xăng dầu cao hơn giá bán lẻ công bố cùng thời điểm vượt quá mức giới hạn pháp luật cho phép.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 3 và khoản 5 Điều này.

Điều 21. Hành vi vi phạm quy định về ký hợp đồng đại lý bán lẻ xăng dầu, nhận quyền thương mại bán lẻ xăng dầu

Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với thương nhân bán lẻ xăng dầu ký hợp đồng làm đại lý bán lẻ xăng dầu hoặc ký hợp đồng làm thương nhân nhận quyền thương mại bán lẻ xăng dầu với nhiều hơn số lượng thương nhân cung cấp xăng dầu được phép ký hợp đồng theo quy định.

Điều 22. Hành vi vi phạm quy định về vận chuyển, mua bán, trao đổi xăng dầu qua biên giới

1. Đối với hành vi vận chuyển, mua bán, trao đổi xăng dầu qua biên giới hoặc từ khu phi thuế quan vào nội địa hoặc ngược lại trái quy định của pháp luật, mức phạt tiền như sau:

a) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng trong trường hợp trị giá xăng dầu vi phạm dưới 10.000.000 đồng;

b) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng trong trường hợp trị giá xăng dầu vi phạm từ 10.000.000 đồng đến dưới 30.000.000 đồng;

c) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng trong trường hợp trị giá xăng dầu vi phạm từ 30.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng;

d) Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng trong trường hợp trị giá xăng dầu vi phạm từ 50.000.000 đồng đến dưới 70.000.000 đồng;

đ) Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng trong trường hợp trị giá xăng dầu vi phạm từ 70.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng.

2. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này mà trị giá xăng dầu vi phạm từ 100.000.000 đồng trở lên trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự trả lại để xử phạt vi phạm hành chính quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật Xử lý vi phạm hành chính hoặc trường hợp xử phạt hành chính theo quy định tại Điều 63 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu tang vật vi phạm đối với hành vi vi phạm quy định tại Điều này;

b) Tịch thu phương tiện được sử dụng để vận chuyển xăng dầu qua biên giới trong trường hợp tang vật vi phạm có trị giá từ 100.000.000 đồng trở lên.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số tiền bằng giá trị tang vật, phương tiện đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu huỷ trái quy định của pháp luật đối với hành vi vi phạm quy định tại Điều này.

Điều 23. Hành vi vi phạm quy định về quản lý kinh doanh xăng dầu tại khu vực biên giới và trên các vùng biển

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây trong trường hợp trị giá xăng dầu vi phạm dưới 10.000.000 đồng:

a) Vận chuyển xăng dầu vào khu vực biên giới không đúng quy định;

b) Buôn bán, trao đổi hoặc sang mạn xăng dầu trên biển trái pháp luật với tàu thuyền, phương tiện của nước ngoài.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này trong trường hợp trị giá xăng dầu vi phạm từ 10.000.000 đồng đến dưới 30.000.000 đồng.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này trong trường hợp trị giá xăng dầu vi phạm từ 30.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng.

4. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này trong trường hợp trị giá xăng dầu vi phạm từ 50.000.000 đồng đến dưới 70.000.000 đồng.

5. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này trong trường hợp trị giá xăng dầu vi phạm từ 70.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng.

6. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này trong trường hợp trị giá xăng dầu vi phạm từ 100.000.000 đồng trở lên.

7. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với cửa hàng bán lẻ xăng dầu tại khu vực biên giới có một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không thực hiện đúng quy định về thời gian bán xăng dầu tại khu vực biên giới;

b) Không thực hiện đúng quy định về phương thức, định mức bán lẻ xăng dầu cho phương tiện vãng lai nước ngoài.

8. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện đúng quy định về cung ứng xăng dầu khi cung ứng xăng dầu cho các cửa hàng bán lẻ xăng dầu tại khu vực biên giới.

9. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu tang vật vi phạm đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều này;

b) Tịch thu phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 6 Điều này.

10. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số tiền bằng giá trị tang vật, phương tiện đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều này.

Điều 24. Hành vi vi phạm quy định về báo cáo trong kinh doanh xăng dầu

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không thực hiện báo cáo định kỳ hoặc báo cáo đột xuất theo quy định;

b) Thực hiện báo cáo định kỳ hoặc báo cáo đột xuất không đầy đủ nội dung hoặc không đúng thời hạn quy định.

2. Phạt tiền gấp hai lần mức phạt tiền đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này trong trường hợp thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu, thương nhân phân phối xăng dầu thực hiện hành vi vi phạm.

Điều 25. Hành vi vi phạm về kinh doanh xăng dầu nhập lậu, xăng dầu không rõ nguồn gốc, xuất xứ

Áp dụng các quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng để xử phạt hành vi kinh doanh xăng dầu nhập lậu, xăng dầu không rõ nguồn gốc, xuất xứ.

Điều 26. Hành vi vi phạm quy định khác về bán lẻ xăng dầu

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi không ghi hoặc không ghi rõ thời gian bán hàng tại khu vực bán hàng theo quy định.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi bán xăng dầu qua các cột bơm mini, trụ bơm lắc tay, qua thùng, can chai hoặc các dụng cụ chứa đựng khác trừ thương nhân là hộ kinh doanh, trạm cấp phát xăng dầu thuộc lực lượng vũ trang (quốc phòng, công an) thuộc địa bàn miền núi, vùng cao theo quy định của pháp luật được Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cho phép làm đại lý bán lẻ xăng dầu với quy mô, trang thiết bị phù hợp với điều kiện kinh doanh xăng dầu ở khu vực đó.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi

không thông báo bằng văn bản về thời gian bán hàng tại cửa hàng bán lẻ xăng dầu, điểm bán xăng dầu với thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Giảm thời gian bán hàng tại cửa hàng bán lẻ xăng dầu, điểm bán xăng dầu với thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ so với thời gian đã thông báo hoặc so với thời gian bán hàng trước đó mà không có lý do chính đáng hoặc không thông báo cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định;

b) Ngừng bán hàng tại cửa hàng bán lẻ xăng dầu, điểm bán xăng dầu với thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ khi chưa được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản, trừ trường hợp vì lý do bất khả kháng (cháy nổ, thiên tai, lũ lụt hoặc đã nỗ lực áp dụng các biện pháp khắc phục nhưng không thể duy trì việc bán hàng) hoặc không thông báo cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định;

c) Giảm lượng hàng bán ra so với thời gian trước đó mà không có lý do chính đáng hoặc không thông báo cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 2 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số tiền bằng với giá trị tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 2 Điều này.

Chương IV

HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH, HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ TRONG KINH DOANH KHÍ

Điều 27. Hành vi vi phạm quy định về điều kiện chai LPG, LPG chai, LPG chai mini lưu thông trên thị trường

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi kinh doanh LPG chai không được niêm phong đúng quy định.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm quy định về điều kiện chai LPG (bao gồm cả chai LPG mini) lưu thông trên thị trường sau đây:

a) Lưu thông chai LPG trên thị trường không có đầy đủ hồ sơ, nguồn gốc xuất xứ của nhà sản xuất theo quy định;

b) Lưu thông trên thị trường chai LPG không phù hợp quy chuẩn kỹ thuật

hoặc chai LPG không được kiểm định kỹ thuật an toàn lao động theo quy định.

3. Hành vi vi phạm quy định về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng LPG chai (bao gồm cả LPG chai mini) lưu thông trên thị trường thì áp dụng quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa để xử phạt vi phạm hành chính.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc thu hồi LPG chai, LPG chai mini, chai LPG không đủ điều kiện lưu thông trên thị trường đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 28. Hành vi vi phạm quy định về kinh doanh khí của thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu khí, thương nhân sản xuất, chế biến khí

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không thực hiện báo cáo hoặc thực hiện báo cáo tình hình xuất khẩu, nhập khẩu, sản lượng tiêu thụ khí trong nước không đúng thời hạn quy định;

b) Không thực hiện thông báo bằng văn bản tới khách hàng công nghiệp, thương nhân kinh doanh khí khi thực hiện quyết định giá theo quy định.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không thông báo tiêu chuẩn phụ gia với cơ quan có thẩm quyền theo quy định khi thực hiện pha chế khí có sử dụng phụ gia để pha chế;

b) Thực hiện pha chế khí có sử dụng phụ gia nhưng không có cam kết bảo đảm chất lượng phụ gia không ảnh hưởng đến an toàn cho người, động vật, thực vật, môi trường và chất lượng khí theo quy định.

3. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không thực hiện kiểm định kỹ thuật an toàn lao động theo quy định đối với bồn chứa khí, chai LPG, thiết bị phụ trợ sử dụng khí thuộc sở hữu của thương nhân theo quy định;

b) Không thực hiện việc kiểm tra, bảo dưỡng và thay thế các thiết bị phụ trợ sử dụng khí, chai LPG thuộc sở hữu bảo đảm an toàn cho khách hàng sử dụng theo quy định;

c) Không xây dựng chương trình quản lý an toàn, báo cáo đánh giá rủi ro và kế hoạch ứng cứu khẩn cấp theo quy định;

d) Không tổ chức huấn luyện hoặc thuê tổ chức huấn luyện kỹ thuật an toàn cho người lao động tại cơ sở kinh doanh khí theo quy định.

đ) Sử dụng người có liên quan đến việc quản lý, người lao động làm việc tại cơ sở kinh doanh khí (bao gồm cả người điều khiển phương tiện vận chuyển

khí) không được huấn luyện về kỹ thuật an toàn theo quy định;

e) Không tuân thủ quy định khác về an toàn đối với cơ sở kinh doanh khí, kho chứa khí bằng bồn chứa, kho chứa LPG chai, đường ống vận chuyển khí, trạm nạp khí, trạm cấp khí (trừ trạm cấp LPG được cấp từ hệ thống giàn chai chứa và trạm cấp CNG từ bồn chứa di động), trạm nén khí, hệ thống đường ống vận chuyển và phân phối khí thuộc sở hữu hoặc thuộc quyền sử dụng của thương nhân.

g) Lập sổ theo dõi hoặc cơ sở dữ liệu điện tử ứng dụng công nghệ thông tin theo dõi LPG chai bán cho thương nhân kinh doanh LPG khác hoặc khách hàng sử dụng nhưng không có đủ các thông tin về LPG chai theo quy định.

4. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi không có sổ theo dõi hoặc cơ sở dữ liệu điện tử ứng dụng công nghệ thông tin theo dõi LPG chai bán cho thương nhân kinh doanh LPG khác hoặc khách hàng sử dụng.

5. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 140.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Chiếm giữ trái phép, mua, bán, trao đổi, lưu trữ hoặc thu gom chai LPG không thuộc sở hữu mà không có hợp đồng mua bán chai LPG, hợp đồng thuê chai LPG hoặc không có thỏa thuận về việc trao đổi chai LPG với chủ sở hữu chai LPG, trừ trường hợp thuê nạp;

b) Mua hoặc bán chai LPG hoặc LPG chai không đủ điều kiện lưu thông trên thị trường.

6. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu tang vật vi phạm đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều này;

b) Đình chỉ hoạt động mua bán LPG chai từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều này.

7. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thực hiện việc kiểm tra, bảo dưỡng hoặc thay thế các thiết bị phụ trợ sử dụng khí, chai LPG không bảo đảm an toàn cho khách hàng sử dụng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 3 Điều này;

b) Buộc nộp lại số tiền bằng với giá trị tang vật vi phạm đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều này.

Điều 29. Hành vi vi phạm quy định về kinh doanh khí của thương nhân kinh doanh mua bán khí

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không thực hiện báo cáo hoặc thực hiện báo cáo tình hình mua bán khí

trên thị trường không đúng thời hạn quy định;

b) Không thực hiện thông báo bằng văn bản tới các đơn vị trong hệ thống phân phối của thương nhân khi thực hiện quyết định giá theo quy định.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không thực hiện kiểm định kỹ thuật an toàn lao động theo quy định đối với bồn chứa khí, chai LPG, thiết bị phụ trợ sử dụng khí thuộc sở hữu của thương nhân theo quy định;

b) Không thực hiện việc kiểm tra, bảo dưỡng và thay thế các thiết bị phụ trợ sử dụng khí, chai LPG thuộc sở hữu bảo đảm an toàn cho khách hàng sử dụng theo quy định;

c) Không xây dựng chương trình quản lý an toàn, báo cáo đánh giá rủi ro và kế hoạch ứng cứu khẩn cấp theo quy định;

d) Không tổ chức huấn luyện hoặc thuê tổ chức huấn luyện kỹ thuật an toàn cho người lao động tại cơ sở kinh doanh khí theo quy định;

đ) Sử dụng người có liên quan đến việc quản lý, người lao động làm việc tại cơ sở kinh doanh khí (bao gồm cả người điều khiển phương tiện vận chuyển khí) không được huấn luyện về kỹ thuật an toàn theo quy định;

e) Không tuân thủ quy định về an toàn đối với bồn chứa khí; trạm nạp khí, trạm cấp khí (trừ trạm cấp LPG được cấp từ hệ thống giàn chai chứa và trạm cấp CNG từ bồn chứa di động), trạm nén khí, hệ thống đường ống vận chuyển và phân phối khí thuộc sở hữu hoặc thuộc quyền sử dụng của thương nhân.

g) Lập sổ theo dõi hoặc cơ sở dữ liệu điện tử ứng dụng công nghệ thông tin theo dõi LPG chai bán cho thương nhân kinh doanh LPG khác hoặc khách hàng sử dụng nhưng không có đủ các thông tin về LPG chai theo quy định.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi không có sổ theo dõi hoặc cơ sở dữ liệu điện tử ứng dụng công nghệ thông tin theo dõi LPG chai bán cho thương nhân kinh doanh LPG khác hoặc khách hàng sử dụng.

4. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Chiếm giữ trái phép, mua, bán, trao đổi, lưu giữ hoặc thu gom chai LPG không thuộc sở hữu mà không có hợp đồng mua bán chai LPG, hợp đồng thuê chai LPG hoặc không có thoả thuận về việc trao đổi chai LPG với chủ sở hữu chai LPG, trừ trường hợp thuê nạp;

b) Mua hoặc bán chai LPG và LPG chai không đủ điều kiện lưu thông trên thị trường.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật vi phạm đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4

Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thực hiện việc kiểm tra, bảo dưỡng hoặc thay thế các thiết bị phụ trợ sử dụng khí không bảo đảm an toàn cho khách hàng sử dụng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 Điều này;

b) Buộc nộp lại số tiền bằng với giá trị tang vật vi phạm đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này.

Điều 30. Hành vi vi phạm quy định về kinh doanh LPG tại cửa hàng bán lẻ LPG chai

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không thực hiện kiểm tra độ kín của van chai, các đầu nối và ống mềm khi lắp đặt mới hoặc thay chai LPG cho khách hàng sử dụng;

b) Lắp đặt mới hoặc thay chai LPG cho khách hàng sử dụng mà không có sự chứng kiến quá trình kiểm tra và ký tên xác nhận vào biên bản giao nhận của khách hàng sử dụng theo quy định;

c) Không cung cấp tài liệu hướng dẫn và hướng dẫn trực tiếp các thông tin cần thiết về an toàn khi sử dụng LPG, các biện pháp đề phòng, các bước xử lý khi LPG rò rỉ; quy trình sử dụng bếp ga, chai chứa và các phụ kiện kèm theo cho khách hàng sử dụng bếp ga, chai LPG của cửa hàng;

d) Cung cấp LPG chai cho khách hàng sử dụng nhưng không cung cấp cho khách hàng hoặc không lưu tại cửa hàng phiếu giao hàng có đủ các thông tin về chủ sở hữu, loại chai, số sê ri chai, nơi nhập chai chứa cho cửa hàng, tên và địa chỉ khách hàng sử dụng, ngày giao chai cho khách hàng, tên, địa chỉ và điện thoại liên hệ của cửa hàng;

đ) Lập sổ theo dõi hoặc cơ sở dữ liệu điện tử ứng dụng công nghệ thông tin theo dõi chai LPG đối với LPG chai bán tại cửa hàng nhưng không có đủ các thông tin về chai LPG theo quy định.

2. Phạt tiền 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không tổ chức huấn luyện hoặc thuê tổ chức huấn luyện kỹ thuật an toàn cho người lao động tại cửa hàng bán lẻ LPG chai theo quy định, trừ trường hợp thương nhân có cửa hàng bán lẻ LPG chai là thương nhân kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu khí hoặc thương nhân kinh doanh mua bán khí;

b) Chủ cửa hàng hoặc nhân viên làm việc tại cửa hàng bán lẻ LPG chai không được huấn luyện về kỹ thuật an toàn theo quy định, trừ trường hợp thương nhân có cửa hàng bán lẻ LPG chai là thương nhân kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu khí hoặc thương nhân kinh doanh mua bán khí;

c) Bán cho khách hàng LPG chai không còn nguyên niêm phong, bị rò rỉ

hoặc không bảo đảm chất lượng, khối lượng ghi trên nhãn hàng hóa theo quy định;

d) Thay thế hoặc cung cấp cho khách hàng các loại phụ kiện không đảm bảo an toàn khi sử dụng hoặc không phải là phụ kiện chuyên dùng cho sử dụng với LPG theo quy định;

đ) Không có sổ theo dõi hoặc cơ sở dữ liệu điện tử ứng dụng công nghệ thông tin theo dõi chai LPG đối với LPG chai bán tại cửa hàng bán lẻ LPG chai.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không tuân thủ quy định về an toàn đối với cửa hàng bán lẻ LPG chai theo quy định, trừ trường hợp thương nhân có cửa hàng bán lẻ LPG chai là thương nhân kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu khí hoặc thương nhân kinh doanh mua bán khí.

4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Mua hoặc bán LPG chai, LPG chai mini hoặc chai LPG không đủ điều kiện lưu thông trên thị trường;

b) Bán LPG chai của thương nhân kinh doanh LPG khác mà không có hợp đồng hoặc bán LPG chai ngoài hợp đồng đã ký;

c) Lưu trữ hoặc thu gom chai LPG của thương nhân kinh doanh LPG khác ngoài hợp đồng mà cửa hàng đã ký.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật vi phạm đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp lại số tiền bằng với giá trị tang vật vi phạm đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này;

b) Buộc thu hồi LPG chai không đáp ứng đủ điều kiện lưu thông trên thị trường đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 2 Điều này.

Điều 31. Hành vi vi phạm quy định về nạp LPG vào chai LPG/chai LPG mini và nạp LPG/LNG vào xe bồn

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không tổ chức huấn luyện hoặc thuê tổ chức huấn luyện kỹ thuật an toàn cho người lao động tại trạm nạp LPG vào chai LPG/chai LPG mini hoặc trạm nạp LPG/LNG vào xe bồn hoặc trạm nạp khí vào phương tiện vận tải theo quy định, trừ trường hợp thương nhân có trạm nạp là thương nhân kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu khí hoặc thương nhân kinh doanh mua bán khí;

b) Sử dụng người quản lý hoặc nhân viên làm việc tại trạm nạp LPG vào

chai LPG/chai LPG mini hoặc trạm nạp LPG/LNG vào xe bồn hoặc trạm nạp khí vào phương tiện vận tải không được huấn luyện về kỹ thuật an toàn theo quy định, trừ trường hợp thương nhân có trạm nạp là thương nhân kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu khí hoặc thương nhân kinh doanh mua bán khí;

c) Không xây dựng chương trình quản lý an toàn, báo cáo đánh giá rủi ro và kế hoạch ứng cứu khẩn cấp theo quy định, trừ trường hợp thương nhân có trạm nạp LPG vào chai LPG/chai LPG mini hoặc trạm nạp LPG/LNG vào xe bồn hoặc trạm nạp khí vào phương tiện vận tải là thương nhân kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu khí hoặc thương nhân kinh doanh mua bán khí;

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Lưu trữ chai LPG/chai LPG mini hoặc LPG chai của thương nhân khác không có hợp đồng thuê nạp LPG vào chai LPG/chai LPG mini với trạm nạp;

~~b) Ký hợp đồng nạp LPG vào chai LPG/chai LPG mini với thương nhân không có Giấy phép kinh doanh LPG chai/LPG chai mini còn hiệu lực hoặc không có Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa theo quy định;~~

b) Lập sổ theo dõi hoặc cơ sở dữ liệu điện tử ứng dụng công nghệ thông tin trong việc quản lý nạp LPG vào chai LPG tại trạm nạp nhưng không có đủ các thông tin về chai LPG theo quy định.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không lập sổ theo dõi hoặc cơ sở dữ liệu điện tử ứng dụng công nghệ thông tin trong việc quản lý nạp LPG vào chai LPG tại trạm nạp;

b) Không tuân thủ quy định về an toàn đối với trạm nạp LPG vào LPG chai theo quy định, trừ trường hợp thương nhân có trạm nạp LPG vào chai LPG là thương nhân kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu khí hoặc thương nhân kinh doanh mua bán khí;

c) Không tuân thủ quy định về an toàn trạm nạp LPG/LNG vào xe bồn hoặc trạm nạp khí vào phương tiện vận tải theo quy định, trừ trường hợp thương nhân có trạm nạp là thương nhân kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu khí hoặc thương nhân kinh doanh mua bán khí.

4. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Nạp LPG vào chai LPG/chai LPG mini không đáp ứng đủ điều kiện lưu thông trên thị trường;

b) Nạp LPG vào chai LPG/chai LPG mini không thuộc sở hữu của thương nhân sở hữu trạm nạp, trừ trường hợp có hợp đồng thuê nạp;

c) Nạp LPG vào chai LPG/chai LPG mini không đủ khối lượng hoặc có chất lượng LPG không phù hợp với nhãn hàng hóa, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn chất lượng theo quy định;

d) Thực hiện hành vi san, chiết, nạp LPG không đúng quy định từ bồn chứa khí, xe bồn vào chai LPG hoặc từ chai LPG dung tích lớn sang chai LPG có dung tích nhỏ hơn, chai LPG mini.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật vi phạm đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số tiền bằng với giá trị tang vật vi phạm đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

Điều 32. Hành vi vi phạm quy định về trạm cấp khí

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không thông báo cho khách hàng mua khí khi điều chỉnh giá bán khí;

b) Không cung cấp cho khách hàng bản hướng dẫn an toàn sử dụng khí theo quy định hoặc cung cấp cho khách hàng bản hướng dẫn an toàn sử dụng khí nhưng không ghi số điện thoại của trạm cấp khí, nhân viên trực tiếp quản lý trạm cấp khí theo quy định.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không tổ chức huấn luyện hoặc thuê tổ chức huấn luyện kỹ thuật an toàn cho người lao động làm việc tại trạm nạp cấp khí theo quy định, trừ trường hợp thương nhân có trạm nạp là thương nhân kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu khí hoặc thương nhân kinh doanh mua bán khí;

b) Sử dụng người quản lý hoặc người lao động làm việc tại trạm cấp khí không được huấn luyện về kỹ thuật an toàn theo quy định, trừ trường hợp thương nhân có trạm nạp là thương nhân kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu khí hoặc thương nhân kinh doanh mua bán khí;

c) Không xây dựng chương trình quản lý an toàn, báo cáo đánh giá rủi ro và kế hoạch ứng cứu khẩn cấp theo quy định, trừ trường hợp thương nhân có trạm nạp là thương nhân kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu khí hoặc thương nhân kinh doanh mua bán khí.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm sau đây:

a) Không thực hiện thông báo đáp ứng đủ điều kiện trạm cấp khí đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định;

b) Bán khí cho khách hàng không có hợp đồng mua bán khí hoặc khách hàng có hợp đồng mua bán khí nhưng không đáp ứng các quy định về an toàn sử dụng khí theo quy định;

c) Không thực hiện kiểm tra an toàn, phương tiện đo, độ kín van khóa, van an toàn, thiết bị phụ trợ dùng khí, các đầu nối tiếp xúc, đường ống dẫn khí đến từng khách hàng theo quy định.

4. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với hành vi không tuân thủ quy định an toàn đối với trạm cấp khí.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động của trạm cấp khí từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 3 Điều này.

Điều 33. Hành vi vi phạm quy định về trạm nén CNG

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không tổ chức huấn luyện hoặc thuê tổ chức huấn luyện kỹ thuật an toàn cho người lao động làm việc tại trạm nạp nén CNG theo quy định, trừ trường hợp thương nhân có trạm nạp là thương nhân kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu khí hoặc thương nhân kinh doanh mua bán khí;

b) Sử dụng người quản lý hoặc người lao động làm việc tại trạm nén CNG không được huấn luyện về kỹ thuật an toàn theo quy định, trừ trường hợp thương nhân có trạm nạp là thương nhân kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu khí hoặc thương nhân kinh doanh mua bán khí;

c) Không xây dựng chương trình quản lý an toàn, báo cáo đánh giá rủi ro và kế hoạch ứng cứu khẩn cấp theo quy định, trừ trường hợp thương nhân có trạm nạp là thương nhân kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu khí hoặc thương nhân kinh doanh mua bán khí.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi không kiểm tra, bảo dưỡng, thay thế các thiết bị của trạm nén CNG đảm bảo an toàn trong quá trình hoạt động theo quy định.

Điều 34. Hành vi vi phạm quy định về sản xuất, sửa chữa chai LPG và sản xuất chai LPG mini

1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không thực hiện thông báo đáp ứng đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định;

b) Không thực hiện công bố hợp quy đối với chai LPG, chai LPG mini theo quy định.

2. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

- a) Không lập hồ sơ chai LPG theo quy định;
- b) Đưa các chai LPG có số seri trùng nhau ra thị trường;
- c) Sửa chữa chai LPG không có nguồn gốc xuất xứ.

3. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với một trong các hành vi làm thay đổi hình dạng, kết cấu, trọng lượng ban đầu của chai LPG mà không có thỏa thuận hợp pháp của chủ sở hữu chai LPG sau đây:

- a) Thay tay xách chai LPG;
- b) Xóa bỏ hoặc thay đổi logo của chai LPG;
- c) Hàn gắn thêm kim loại vào chai LPG;
- d) Tráo đổi van đầu chai LPG;
- đ) Sửa đổi các thông số kỹ thuật ban đầu của chai LPG hoặc hành vi khác làm thay đổi hình dạng, kết cấu, trọng lượng ban đầu của chai LPG.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu tang vật vi phạm đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 2 và khoản 3 Điều này;

b) Đình chỉ hoạt động sản xuất, sửa chữa chai LPG từ 03 tháng đến 06 tháng đối với thương nhân sản xuất, sửa chữa chai LPG thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thu hồi chai LPG, chai LPG mini không đủ điều kiện lưu thông trên thị trường đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a và b khoản 2 Điều này;

b) Buộc nộp lại số tiền bằng với giá trị tang vật vi phạm đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 2 và khoản 3 Điều này.

Điều 35. Hành vi vi phạm quy định khác về kinh doanh khí

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Sử dụng LPG chai mini nạp lại đối với chai LPG mini không được phép nạp lại trong cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống;

b) Vận chuyển LPG chai cùng với người trong thang máy, trừ người trực tiếp vận chuyển.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi vận chuyển LPG chai bằng xe gắn máy (hai bánh) nhưng không có giá đỡ LPG chai hoặc xếp đặt LPG chai trên phương tiện vận chuyển không đúng quy định.

3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi vận chuyển LPG chai bằng ô tô nhưng xếp đặt LPG chai trên phương tiện vận

chuyển không đúng quy định.

4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi tồn chứa chai LPG, LPG chai tại kho chứa không bảo đảm an toàn đối với kho chứa chai LPG theo quy định.

5. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi mua, bán, vận chuyển hoặc lưu trữ chai LPG và LPG chai khi không phải là cơ sở kinh doanh LPG theo quy định, trừ trường hợp mua để sử dụng phục vụ sản xuất và tiêu dùng.

6. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật vi phạm đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 và khoản 5 Điều này.

7. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số tiền bằng với giá trị tang vật vi phạm đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 và khoản 5 Điều này.

Chương V

THẨM QUYỀN LẬP BIÊN BẢN VI PHẠM HÀNH CHÍNH VÀ XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Điều 36. Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính

1. Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của cơ quan, lực lượng quy định tại các Điều 37, 38, 39, 40, 41, 42, 43 và 44 của Nghị định này có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm hành chính được phân định thẩm quyền xử phạt cho cơ quan, lực lượng của mình theo quy định tại Điều 45 của Nghị định này thuộc lĩnh vực, địa bàn quản lý và phạm vi công vụ, nhiệm vụ được giao.

2. Người thuộc lực lượng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân, công chức, viên chức thuộc cơ quan quy định tại các Điều 37, 38, 39, 40, 41, 42, 43 và 44 của Nghị định này đang thi hành công vụ, nhiệm vụ có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực, địa bàn quản lý của mình và phạm vi công vụ, nhiệm vụ được giao.

3. Chỉ huy tàu bay, thuyền trưởng, trưởng tàu lập biên bản vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm xảy ra trên tàu bay, tàu biển, tàu hỏa.

Điều 37. Thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu có quyền:

a) Phạt tiền đến 500.000.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 1.000.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương II của Nghị định này; phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 100.000.000 đồng đối với tổ chức đối với các hành vi vi phạm quy định tại

Chương III và Chương IV của Nghị định này;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Nghị định này.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền:

a) Phạt tiền đến 1.000.000.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 2.000.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương II của Nghị định này; phạt tiền đến 100.000.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 200.000.000 đồng đối với tổ chức đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương III và Chương IV của Nghị định này;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Nghị định này.

Điều 38. Thẩm quyền xử phạt của Công an nhân dân

1. Chiến sĩ Công an nhân dân đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 200.000.000 đồng đối với tổ chức đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương II của Nghị định này; phạt tiền đến 10.000.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương III và Chương IV của Nghị định này;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 200.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương II của Nghị định này; không vượt quá 20.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm khác quy định tại Nghị định này.

2. Thủ trưởng đơn vị Cảnh sát cơ động cấp đại đội có quyền:

a) Phạt tiền đến 200.000.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 400.000.000 đồng đối với tổ chức đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương II của Nghị định này; phạt tiền đến 20.000.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 40.000.000 đồng đối với tổ chức đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương III và Chương IV của Nghị định này;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 400.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương II của Nghị định này; không vượt quá 40.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương III và Chương IV của Nghị định này;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

3. Trưởng đồn Công an, Thủ trưởng đơn vị Cảnh sát cơ động cấp tiểu đoàn, Thuỷ đội trưởng, Trưởng trạm, Đội trưởng có quyền:

a) Phạt tiền đến 300.000.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 600.000.000 đồng đối với tổ chức đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương II của Nghị định này; phạt tiền đến 30.000.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 60.000.000 đồng đối với tổ chức đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương III và Chương IV của Nghị định này;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 600.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương II của Nghị định này; không vượt quá 60.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương III và Chương IV của Nghị định này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

4. Trưởng Công an cấp xã có quyền:

a) Phạt tiền đến 500.000.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 1.000.000.000 đồng đối với tổ chức đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương II của Nghị định này; phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 100.000.000 đồng đối với tổ chức đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương III và Chương IV của Nghị định này;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Nghị định này.

5. Trưởng Công an cửa khẩu Cảng hàng không quốc tế; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục An ninh chính trị nội bộ gồm: Trưởng phòng An ninh báo chí, xuất bản, Trưởng phòng An ninh y tế, giáo dục, Trưởng phòng An ninh văn hóa, thể thao và lao động xã hội, Trưởng phòng An ninh bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin, Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục An ninh kinh tế gồm: Trưởng phòng An ninh công thương, Trưởng phòng An ninh tiền tệ, Trưởng phòng An ninh giao thông, xây dựng, Trưởng phòng An ninh tài chính, đầu tư, Trưởng phòng An ninh nông, lâm, ngư nghiệp, Trưởng phòng An ninh khoa học, công nghệ và tài nguyên, môi trường; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy gồm: Trưởng phòng Phòng ngừa, điều tra tội phạm lĩnh vực mua bán, vận chuyển trái phép chất ma túy, Trưởng phòng Phòng ngừa, điều tra tội phạm lĩnh vực tổ chức, chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy, Trưởng phòng Phòng ngừa, điều tra tội phạm lĩnh vực sản xuất trái phép chất ma túy, Trưởng phòng Phòng ngừa, điều tra tội phạm trong các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội gồm: Trưởng phòng Hướng dẫn, quản lý

vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo, Trưởng phòng Hướng dẫn, quản lý các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự và con dấu, Giám đốc Trung tâm dữ liệu quốc gia về dân cư; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát giao thông gồm: Trưởng phòng Quản lý, khai thác, xử lý, vận hành dữ liệu và chuyển đổi số, Trưởng phòng Hướng dẫn tuyên truyền, điều tra, giải quyết tai nạn giao thông, Trưởng phòng Hướng dẫn, đăng ký và kiểm định phương tiện, Trưởng phòng Hướng dẫn, đào tạo, sát hạch, quản lý giấy phép của người điều khiển phương tiện giao thông, Trưởng phòng Hướng dẫn tuần tra, kiểm soát giao thông đường bộ, đường sắt, Trưởng phòng Hướng dẫn điều khiển giao thông và dẫn đoàn, Trưởng phòng Hướng dẫn tuần tra, kiểm soát và đấu tranh phòng, chống tội phạm trên đường thủy nội địa, Thủy đoàn trưởng; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao gồm: Trưởng phòng Phòng, chống tội phạm sử dụng không gian mạng xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, Trưởng phòng Phòng, chống tội phạm sử dụng không gian mạng xâm phạm trật tự xã hội, Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Quản lý xuất nhập cảnh gồm: Trưởng phòng Quản lý nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài, Trưởng phòng Quản lý xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam, Giám đốc Trung tâm An ninh hàng không quốc gia; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Trung tâm dữ liệu quốc gia gồm: Trưởng phòng Tham mưu tổng hợp, Trưởng phòng Quản trị ứng dụng, Trưởng phòng Quản trị dữ liệu, Trưởng phòng An ninh, an toàn hệ thống, Trưởng phòng Quản trị, vận hành hệ thống công nghệ thông tin, Trưởng phòng Quản trị, vận hành võ trạm trung tâm dữ liệu; Thủ trưởng đơn vị Cảnh sát cơ động cấp trung đoàn; Trưởng phòng Công an cấp tỉnh gồm: Trưởng phòng An ninh chính trị nội bộ, Trưởng phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, môi trường, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông, Trưởng phòng Cảnh sát cơ động, Trưởng phòng An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, Trưởng phòng An ninh kinh tế, Trưởng phòng An ninh đối ngoại, Chánh Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh có quyền:

a) Phạt tiền đến 800.000.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 1.600.000.000 đồng đối với tổ chức đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương II của Nghị định này; phạt tiền đến 80.000.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 160.000.000 đồng đối với tổ chức đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương III và Chương IV của Nghị định này;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Nghị định này.

6. Trưởng phòng Quản lý xuất nhập cảnh thuộc Công an cấp tỉnh có thẩm quyền xử phạt theo quy định tại khoản 5 Điều này và có quyền quyết định áp dụng hình thức xử phạt trực xuất.

7. Giám đốc Công an cấp tỉnh có quyền:

a) Phạt tiền đến 1.000.000.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 2.000.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương II của Nghị định này; phạt tiền đến 100.000.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 200.000.000 đồng đối với tổ chức đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương III và Chương IV của Nghị định này;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng hình thức xử phạt trực xuất;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Nghị định này.

8. Cục trưởng Cục An ninh chính trị nội bộ, Cục trưởng Cục An ninh kinh tế, Chánh Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an, Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường, Cục trưởng Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, Cục trưởng Cục An ninh nội địa, Tư lệnh Cảnh sát cơ động, Giám đốc Trung tâm dữ liệu quốc gia có quyền:

a) Phạt tiền đến 1.000.000.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 2.000.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương II của Nghị định này; phạt tiền đến 100.000.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 200.000.000 đồng đối với tổ chức đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương III và Chương IV của Nghị định này;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Nghị định này.

9. Cục trưởng Cục Quản lý xuất nhập cảnh có thẩm quyền xử phạt theo quy định tại khoản 8 Điều này và có quyền quyết định áp dụng hình thức xử phạt trực xuất.

Điều 39. Thẩm quyền xử phạt của Bộ đội Biên phòng

1. Chiến sĩ Bộ đội biên phòng đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 100.000.000 đồng đối với tổ chức đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương II của Nghị định này; phạt tiền đến 5.000.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương III và Chương IV của Nghị định này;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 100.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương II của Nghị định này; không vượt quá 10.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương III và Chương IV của Nghị định này.

2. Trạm trưởng, Đội trưởng của người được quy định tại khoản 1 Điều này có quyền:

a) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 200.000.000 đồng đối với tổ chức đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương II của Nghị định này; phạt tiền đến 10.000.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương III và Chương IV của Nghị định này;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 200.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương II của Nghị định này; không vượt quá 20.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương III và Chương IV của Nghị định này.

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

3. Đội trưởng Đội đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Đoàn đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm có quyền:

a) Phạt tiền đến 150.000.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 300.000.000 đồng đối với tổ chức đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương II của Nghị định này; phạt tiền đến 15.000.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 30.000.000 đồng đối với tổ chức đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương III và Chương IV của Nghị định này;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 300.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương II của Nghị định này; không vượt quá 30.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương III và Chương IV của Nghị định này.

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

4. Đồn trưởng Đồn biên phòng, Hải đội trưởng Hải đội biên phòng, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Biên phòng Cửa khẩu cảng có quyền:

a) Phạt tiền đến 300.000.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 600.000.000 đồng đối với tổ chức đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương II của Nghị định này; phạt tiền đến 30.000.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 60.000.000 đồng đối với tổ chức đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương III và Chương IV của Nghị định này;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 600.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương II của Nghị định này; không vượt quá 60.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương III và Chương IV của Nghị định này.

c) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Nghị định này.

5. Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Cục Phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng có quyền:

a) Phạt tiền đến 500.000.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 1.000.000.000 đồng đối với tổ chức đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương II của Nghị định này; phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 100.000.000 đồng đối với tổ chức đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương III và Chương IV của Nghị định này;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Nghị định này.

6. Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng; Hải đoàn trưởng Hải đoàn biên phòng, Cục trưởng Cục Phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng có quyền:

a) Phạt tiền đến 1.000.000.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 2.000.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương II của Nghị định này; phạt tiền đến 100.000.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 200.000.000 đồng đối với tổ chức đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương III và Chương IV của Nghị định này;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

c) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Nghị định này.

Điều 40. Thẩm quyền xử phạt của Cảnh sát biển

1. Cảnh sát viên Cảnh sát biển đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 100.000.000 đồng đối với tổ chức đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương II của Nghị định này; phạt tiền đến 5.000.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương III và Chương IV của Nghị định này;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 100.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương II của Nghị định này; không vượt quá 10.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương III và Chương IV của Nghị định này.

2. Tổ trưởng Tổ nghiệp vụ Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 200.000.000 đồng đối với tổ chức đối với các hành vi vi phạm quy định tại

Chương II của Nghị định này; phạt tiền đến 10.000.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương III và Chương IV của Nghị định này;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 200.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương II của Nghị định này; không vượt quá 20.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương III và Chương IV của Nghị định này.

3. Đội trưởng Đội nghiệp vụ Cảnh sát biển, Trạm trưởng Trạm Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt tiền đến 200.000.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 400.000.000 đồng đối với tổ chức đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương II của Nghị định này; phạt tiền đến 20.000.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 40.000.000 đồng đối với tổ chức đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương III và Chương IV của Nghị định này;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 400.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương II của Nghị định này; không vượt quá 40.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương III và Chương IV của Nghị định này.

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

4. Hải đội trưởng Hải đội Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt tiền đến 300.000.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 600.000.000 đồng đối với tổ chức đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương II của Nghị định này; phạt tiền đến 30.000.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 60.000.000 đồng đối với tổ chức đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương III và Chương IV của Nghị định này;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 600.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương II của Nghị định này; không vượt quá 60.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương III và Chương IV của Nghị định này.

c) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Nghị định này.

5. Hải đoàn trưởng Hải đoàn Cảnh sát biển; Đoàn trưởng Đoàn trinh sát, Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng chống tội phạm ma túy thuộc Cảnh sát biển Việt Nam có quyền:

a) Phạt tiền đến 500.000.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 1.000.000.000 đồng đối với tổ chức đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương II của Nghị định này; phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 100.000.000 đồng đối với tổ chức đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương III và Chương IV của Nghị định này;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc

đình chỉ hoạt động có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Nghị định này.

6. Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển, Cục trưởng Cục Nghiệp vụ và Pháp luật thuộc Cảnh sát biển Việt Nam có quyền:

a) Phạt tiền đến 800.000.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 1.600.000.000 đồng đối với tổ chức đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương II của Nghị định này; phạt tiền đến 80.000.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 160.000.000 đồng đối với tổ chức đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương III và Chương IV của Nghị định này;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Nghị định này.

7. Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam có quyền:

a) Phạt tiền đến 1.000.000.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 2.000.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương II của Nghị định này; phạt tiền đến 100.000.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 200.000.000 đồng đối với tổ chức đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương III và Chương IV của Nghị định này;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Nghị định này.

Điều 41. Thẩm quyền xử phạt của Hải quan

1. Công chức Hải quan đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương III và Chương IV của Nghị định này;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 10.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương III và Chương IV của Nghị định này.

2. Đội trưởng Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu, Đội trưởng Đội Phúc tập và Kiểm tra sau thông quan, Đội trưởng Đội Thông quan, Đội trưởng Đội Kiểm soát hải quan thuộc Chi cục Hải quan khu vực, Đội trưởng Đội kiểm soát chống buôn lậu thuộc Chi cục Điều tra chống buôn lậu; Đội trưởng Đội Kiểm tra sau thông quan khu vực thuộc Chi cục Kiểm tra sau thông quan có quyền:

a) Phạt tiền đến 30.000.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 60.000.000 đồng đối với tổ chức đối với các hành vi vi phạm quy định tại

Chương III và Chương IV của Nghị định này;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 60.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương III và Chương IV của Nghị định này.

c) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Nghị định này.

3. Chi cục trưởng Chi cục Điều tra chống buôn lậu, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực có quyền:

a) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 100.000.000 đồng đối với tổ chức đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương III và Chương IV của Nghị định này;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Nghị định này.

4. Cục trưởng Cục Hải quan có quyền:

a) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 200.000.000 đồng đối với tổ chức đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương III và Chương IV của Nghị định này;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Nghị định này.

Điều 42. Thẩm quyền xử phạt của Quản lý thị trường

1. Kiểm soát viên thị trường đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương III và Chương IV của Nghị định này;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 20.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương III và Chương IV của Nghị định này.

2. Đội trưởng Đội Quản lý thị trường thuộc Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương có quyền:

a) Phạt tiền đến 30.000.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 60.000.000 đồng đối với tổ chức đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương III và Chương IV của Nghị định này;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 60.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm khác quy định tại Nghị định này.

c) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Nghị định này.

3. Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương, Trưởng phòng Phòng Nghiệp vụ quản lý thị trường thuộc Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước có quyền:

a) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 100.000.000 đồng đối với tổ chức đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương III và Chương IV của Nghị định này;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Nghị định này.

4. Cục trưởng Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước có quyền:

a) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 200.000.000 đồng đối với tổ chức đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương III và Chương IV của Nghị định này;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Nghị định này.

Điều 43. Thẩm quyền xử phạt của Thanh tra

1. Thanh tra viên các Bộ: Quốc phòng, Công an; Thanh tra viên thuộc Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam; Thanh tra viên thuộc Cục Hàng không Việt Nam, có quyền:

a) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 200.000.000 đồng đối với tổ chức đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương II của Nghị định này; phạt tiền đến 10.000.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương III và Chương IV của Nghị định này;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 200.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương II của Nghị định này; không vượt quá 20.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương III và Chương IV của Nghị định này.

2. Trưởng đoàn thanh tra của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Cục Hàng không Việt Nam; Trưởng đoàn thanh tra của các cơ quan: Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Công an cấp tỉnh; Trưởng đoàn thanh tra cấp quân khu, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội có quyền:

a) Phạt tiền đến 500.000.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 1.000.000.000 đồng đối với tổ chức đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương II của Nghị định này; phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với cá nhân và

phạt tiền đến 100.000.000 đồng đối với tổ chức đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương III và Chương IV của Nghị định này;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

c) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Nghị định này.

3. Chánh Thanh tra Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam; Chánh Thanh tra Cục Hàng không Việt Nam; Chánh Thanh tra quốc phòng quân khu; Chánh Thanh tra quốc phòng Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội; Chánh Thanh tra Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Chánh Thanh tra Công an cấp tỉnh có quyền:

a) Phạt tiền đến 800.000.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 1.600.000.000 đồng đối với tổ chức đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương II của Nghị định này; phạt tiền đến 80.000.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 160.000.000 đồng đối với tổ chức đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương III và Chương IV của Nghị định này;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Nghị định này.

4. Chánh Thanh tra các Bộ: Quốc phòng, Công an; Trưởng đoàn thanh tra do Chánh Thanh tra các Bộ: Quốc phòng, Công an thành lập có quyền:

a) Phạt tiền đến 1.000.000.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 2.000.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương II của Nghị định này; phạt tiền đến 100.000.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 200.000.000 đồng đối với tổ chức đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương III và Chương IV của Nghị định này;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Nghị định này.

Điều 44. Thẩm quyền của Thủ trưởng cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước theo chuyên ngành, lĩnh vực và một số chức danh khác

1. Giám đốc các sở: Sở Công Thương, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có quyền:

a) Phạt tiền đến 800.000.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 1.600.000.000 đồng đối với tổ chức đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương II của Nghị định này; phạt tiền đến 80.000.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 160.000.000 đồng đối với tổ chức đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương III và Chương IV của Nghị định này;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc

đình chỉ hoạt động có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Nghị định này.

2. Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam; Cục trưởng Cục Môi trường; Chủ tịch Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia; Cục trưởng Cục Hóa chất; Cục trưởng Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp có quyền:

a) Phạt tiền đến 1.000.000.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 2.000.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương II của Nghị định này; phạt tiền đến 100.000.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 200.000.000 đồng đối với tổ chức đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương III và Chương IV của Nghị định này;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Nghị định này.

3. Trưởng đoàn kiểm tra do Thủ trưởng tổ chức thuộc bộ, cơ quan ngang bộ thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của bộ, cơ quan ngang bộ thành lập có thẩm quyền xử phạt theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Trưởng đoàn kiểm tra do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ thành lập có thẩm quyền xử phạt theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 45. Phân định thẩm quyền xử phạt

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này trong phạm vi quản lý của địa phương mình theo thẩm quyền quy định tại Điều 37 của Nghị định này.

2. Những người có thẩm quyền của Công an nhân dân có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 38 của Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

3. Những người có thẩm quyền của Bộ đội Biên phòng có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại các khoản 1, 4, 5 và 6 Điều 9; khoản 5 và 6 Điều 10; khoản 2 Điều 11; khoản 2 Điều 12; điểm d khoản 1 và điểm d khoản 2 Điều 13; khoản 3 và 4 Điều 15, Điều 16; Điều 17; Điều 18; khoản 1 và 5 Điều 20; Điều 21; Điều 22; Điều 23; Điều 26; Điều 27; khoản 4 và 5 Điều 28; khoản 4 và 5 Điều 29; khoản 3 và 4 Điều 30; khoản 4 và 5 Điều 31; Điều 35 của Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 39 của Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

4. Những người có thẩm quyền của Cảnh sát biển Việt Nam có thẩm

quyền xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại các khoản 1, 4, 5 và 6 Điều 9; khoản 5 và 6 Điều 10; khoản 2 Điều 11; khoản 2 Điều 12; điểm d khoản 1 và điểm d khoản 2 Điều 13; khoản 3 và 4 Điều 15; Điều 16; Điều 18; Điều 22; Điều 23; khoản 5 Điều 35 của Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 40 của Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

5. Những người có thẩm quyền của Hải quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với các hành vi vi phạm hành chính có liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển khẩu hàng hóa quy định tại các điều 16, 18, 19, 22, 23 và 28 của Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 41 của Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

6. Những người có thẩm quyền của Quản lý thị trường có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Chương III và Chương IV của Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 42 của Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

7. Những người có thẩm quyền của Thanh tra có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 43 của Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

8. Thủ trưởng cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước theo chuyên ngành, lĩnh vực và một số chức danh khác có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 44 của Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 46. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí xảy ra và kết thúc trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mà sau đó mới bị phát hiện hoặc đang xem xét, giải quyết thì áp dụng Nghị định của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính đang có hiệu lực tại thời điểm thực hiện hành vi vi phạm để xử phạt vi phạm hành chính.

Đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí xảy ra trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành nhưng vẫn đang được thực hiện khi Nghị định này đã có hiệu lực thì áp dụng quy định của Nghị định này để xử phạt vi phạm hành chính.

2. Đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính đã được ban hành trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, mà tổ chức, cá nhân bị xử phạt vi

phạm hành chính còn khiếu nại thì áp dụng quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính, Nghị định số 99/2020/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 17/2022/NĐ-CP.

Điều 47. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2026.
2. Nghị định số 99/2020/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.
3. Bãi bỏ Điều 4 Nghị định số 17/2022/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và vật liệu nổ công nghiệp; điện lực, an toàn đập thủy điện, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; hoạt động dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí.

Điều 48. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTT (2b).